

BẢN TIN

Doanh nghiệp và

Tự do hóa thương mại

Số 17+18, Quý III+IV/2019

 www.trungtamwto.vn

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG HỘI NHẬP FTA VIỆT NAM NĂM 2019



Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”, ấn phẩm xuất bản hàng quý của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới. Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp, Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

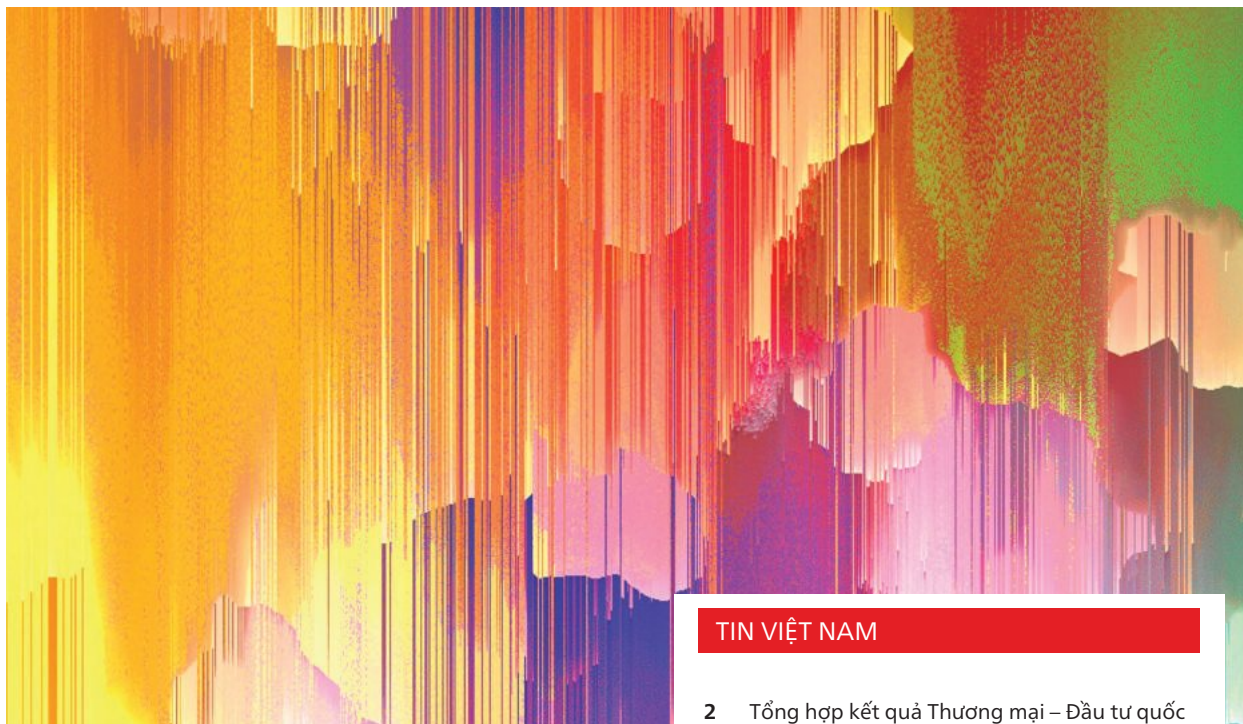


Trung tâm WTO và Hội nhập hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và các góp ý của độc giả để ngày càng hoàn thiện hơn Bản tin này. Mọi thông tin và góp ý xin gửi về:

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap





CHUYÊN ĐỀ

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG HỘI NHẬP FTA VIỆT NAM NĂM 2019

2019 được ghi nhận như một năm hội nhập thành công của Việt Nam, với những tiến triển rõ rệt của hàng loạt các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) lớn. Đây là năm đầu tiên Việt Nam thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) – một FTA thế hệ mới với những tiêu chuẩn cao nhất mà Việt Nam từng tham gia. Đây cũng là năm ký kết FTA Việt Nam – EU (EVFTA) – một FTA đầy tiềm năng với một thị trường rộng lớn gồm 27 quốc gia thành viên EU. Bên cạnh đó Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) gồm 10 nước ASEAN và 6 đối tác FTA của ASEAN cũng hoàn thành sơ bộ đàm phán....

TIN VIỆT NAM

- 2 Tổng hợp kết quả Thương mại – Đầu tư quốc tế Việt Nam năm 2019
- 8 Khủng hoảng ngành xuất khẩu hương nhang Việt Nam do biện pháp hạn chế nhập khẩu của Ấn Độ
- 10 Việt Nam bước vào năm nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020
- 12 Bức tranh phòng vệ thương mại 2019
- 20 Giới thiệu ấn phẩm mới của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI

TIN THẾ GIỚI

- 24 Gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại trên toàn cầu
- 26 Mỹ và những cuộc chiến thương mại diễn biến ngược chiều
- 32 Liên minh kinh tế Á – Âu ký kết hiệp định thương mại tự do với Singapore
- 33 Hiệp định Thương mại Tự do EU – Singapore chính thức có hiệu lực
- 34 Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO tạm ngừng hoạt động

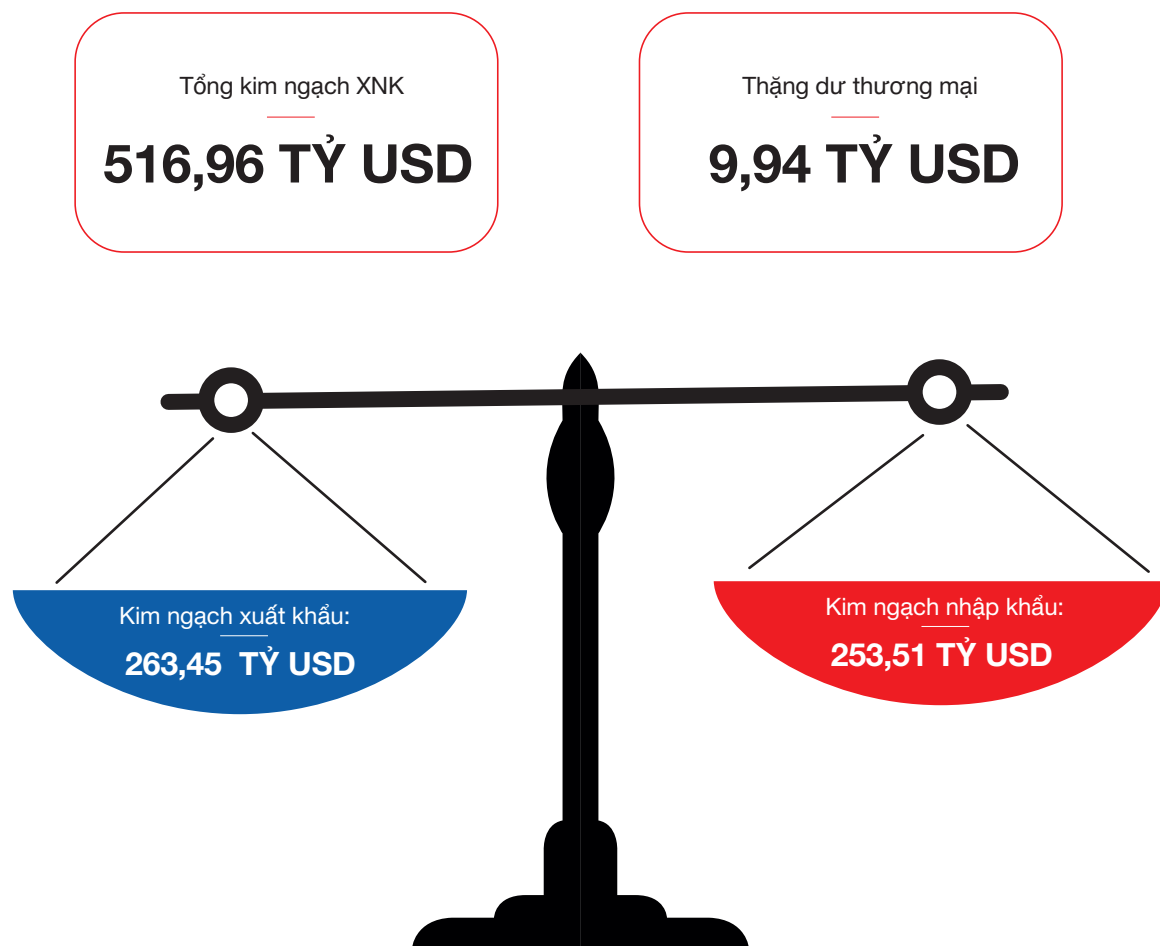


Tổng hợp kết quả Thương mại – Đầu tư quốc tế Việt Nam năm 2019

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)



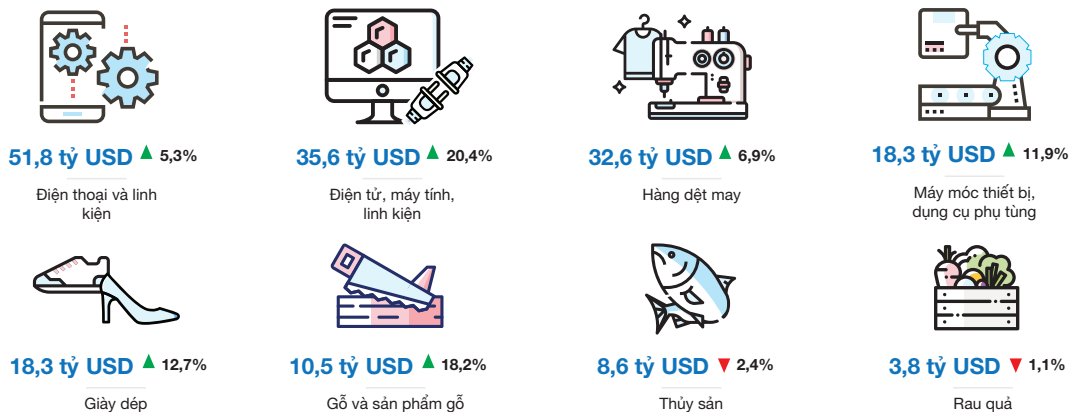
Cán cân thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2019, so sánh với năm 2018



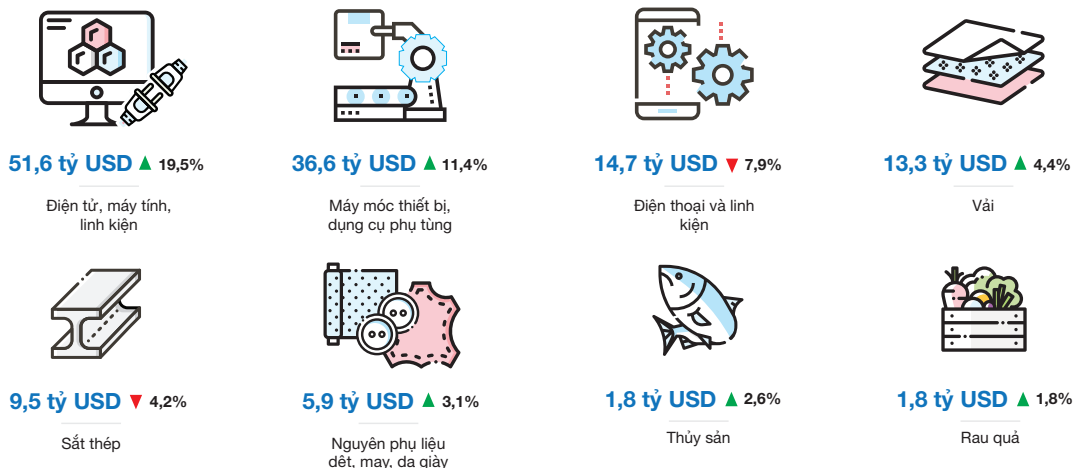
- Tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt tăng 8,1% và 7% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặc dù chỉ bằng đã giảm mạnh so với năm 2018 (năm 2018, kim ngạch xuất khẩu tăng 13.2% so với 2017) nhưng vẫn được đánh giá là khả quan so với mặt bằng chung của thế giới (cao gấp 4 lần tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của thế giới), đưa Việt Nam trở thành nhà xuất khẩu lớn thứ 22 thế giới;
- Cán cân thương mại đạt mức thặng dư lên tới 9,94 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay; 2019 cũng là năm thứ 4 liên tiếp Việt Nam có thặng dư thương mại.

Những mặt hàng xuất nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2019, so sánh với năm 2018

Mặt hàng xuất khẩu đáng chú ý



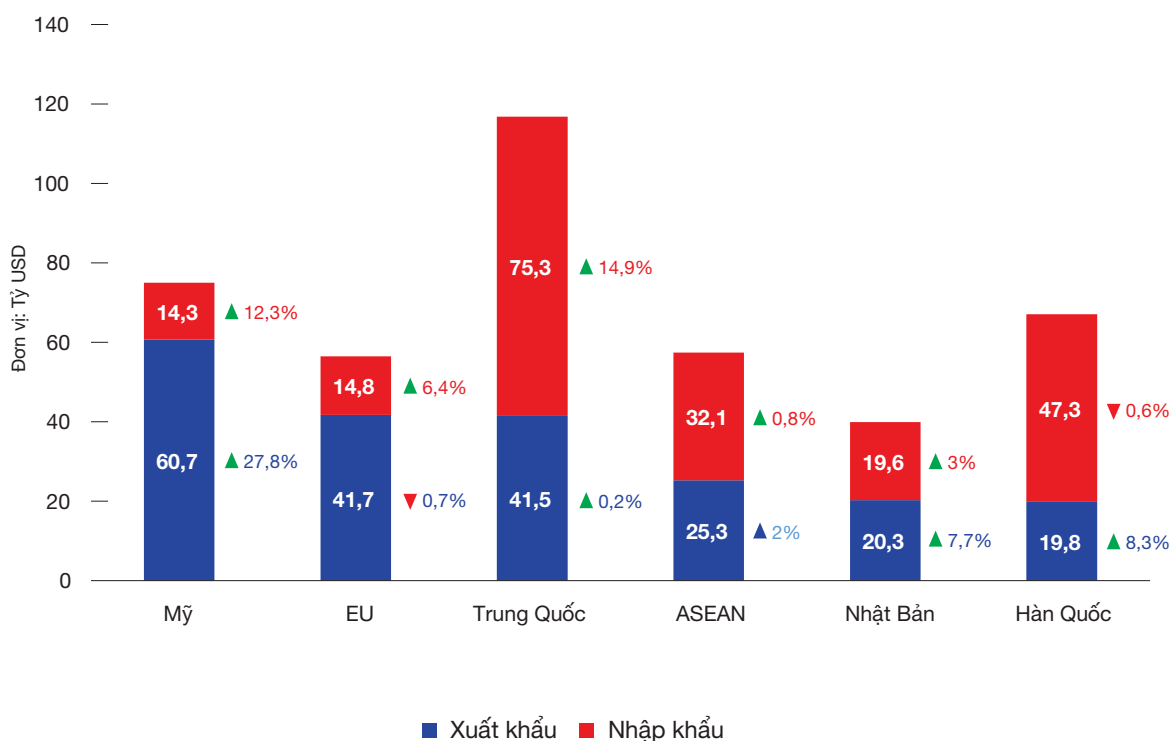
Mặt hàng nhập khẩu đáng chú ý



Nhận xét:

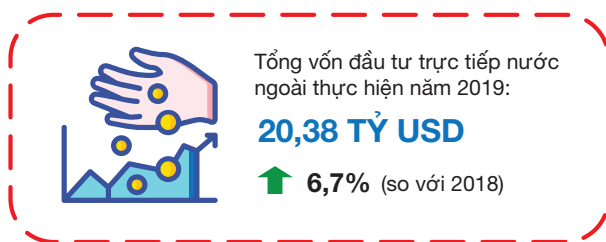
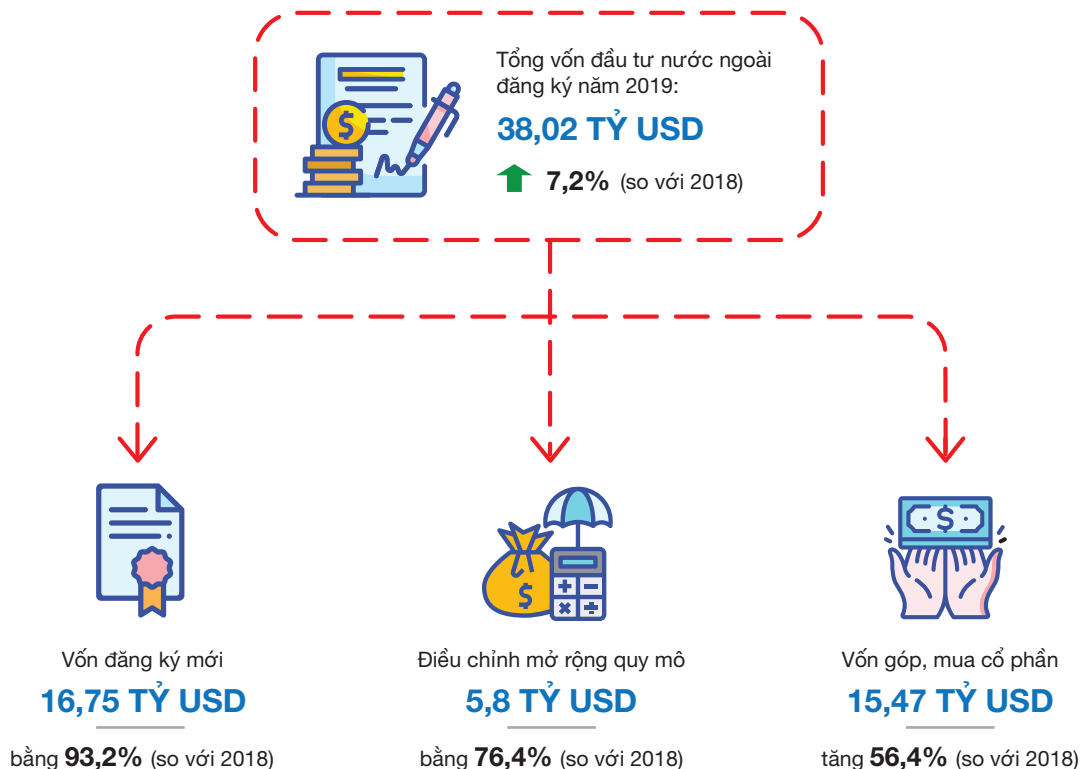
- Các mặt hàng điện thoại, điện tử, máy tính, linh kiện chiếm khoảng 1/3 tổng xuất khẩu (87,42 tỷ USD), nhưng cũng đồng thời chiếm hơn 1/4 tổng nhập khẩu của Việt Nam (66,22 tỷ USD)
- Nhập khẩu máy móc, phụ tùng phục vụ sản xuất chiếm 14,45% tổng nhập khẩu.
- Xuất khẩu thủy sản và rau quả giảm so với năm 2018, lần lượt là 2,4% và 1,1%; trong khi nhập khẩu hai mặt hàng này lại tăng trưởng nhẹ (2,6% và 1,8%).

Các thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2019



Nhận xét:

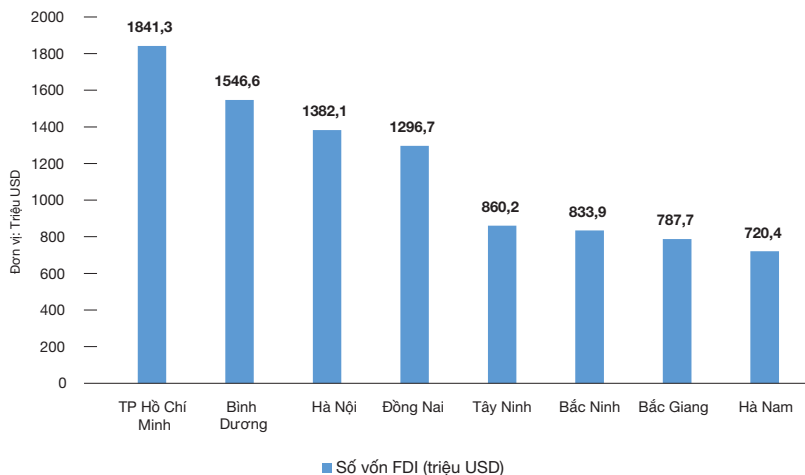
- Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm tới 23% tổng giá trị xuất khẩu (60,7 tỷ USD), tiếp theo là EU và Trung Quốc. Mỹ cũng là thị trường mà Việt Nam có mức thặng dư thương mại cao nhất (46,4 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu cao gấp 4,2 lần kim ngạch nhập khẩu). Trong top các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, Mỹ cũng là thị trường mà xuất khẩu Việt Nam có tăng trưởng lớn nhất (27,8%).
- Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam, chiếm tới 29,7% tổng giá trị nhập khẩu (75,3 tỷ USD); đồng thời cũng là thị trường mà Việt Nam có mức thâm hụt thương mại cao nhất (33,8 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu cao gấp khoảng 1,8 lần kim ngạch xuất khẩu). Trong top các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam, Trung Quốc cũng là thị trường có mức tăng trưởng nhập khẩu vào Việt Nam lớn nhất (14,9%).



Nhận xét:

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2019 đã tăng trở lại sau sự sụt giảm năm 2018, mặc dù vậy, tốc độ tăng còn khá khiêm tốn;
- Nếu xét riêng vốn đầu tư trực tiếp đăng ký mới, kết quả năm 2019 vẫn giảm gần 7% so với năm 2018, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp vốn đăng ký mới giảm; quy mô trung bình các dự án đầu tư đăng ký mới cũng giảm so với 2018;
- Xu hướng đầu tư nước ngoài gián tiếp dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục được khẳng định trong năm 2019, với mức tăng 56.4% so với 2018, chiếm 40,7% tổng vốn đăng ký (so với mức 27.9% năm 2018 và mức 17.2% năm 2017)

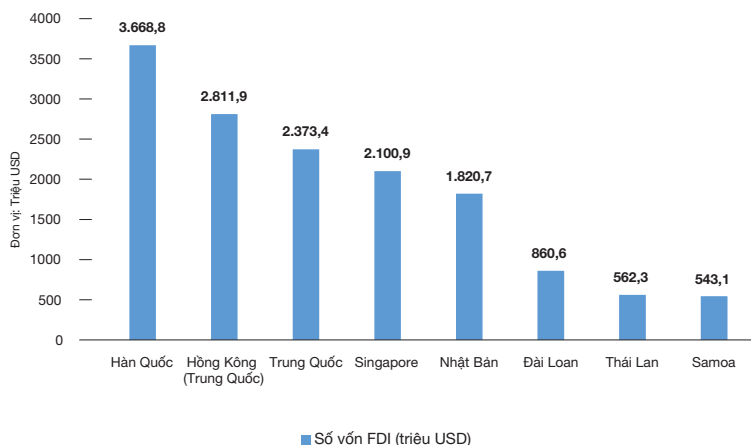
Top 8 địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất năm 2019



Nhận xét:

- TP. Hồ Chí Minh là địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất.
- 04 địa phương thu hút FDI lớn nhất (TP.HCM, Bình Dương, Hà Nội, Đồng Nai) chiếm hơn 36% tổng số vốn FDI đăng ký mới của cả nước.

Top 8 các quốc gia và vùng lãnh thổ có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2019



Nhận xét:

- Hàn Quốc là quốc gia đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam, chiếm 21,9% tổng vốn đăng ký cấp mới.
- Hàn Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), Trung Quốc và Singapore chiếm tổng cộng 65,4% tổng vốn FDI đăng ký mới của Việt Nam.
- Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc) và Đài Loan chiếm tổng cộng 36,1% tổng vốn FDI đăng ký mới của Việt Nam

Khủng hoảng ngành xuất khẩu hương nhang Việt Nam do biện pháp hạn chế nhập khẩu của Ấn Độ



➔ Ngày 31/8/2019, Ấn Độ ra thông báo thay đổi chế độ nhập khẩu đối với các sản phẩm hương nhang, chuyển từ nhập khẩu thông thường sang nhập khẩu hạn chế. Thông báo này ngay lập tức làm đình trệ toàn bộ hoạt động sản xuất xuất khẩu hương nhang của Việt Nam sang Ấn Độ do hương nhang phục vụ thị trường này là loại đặc biệt và không thể xuất khẩu sang thị trường nào khác thay thế.

Cụ thể, theo Thông báo số 15/2015-2020 ngày 31/8/2019 của Bộ Công Thương Ấn Độ, các sản phẩm hương nhang mã 33074100 và 33074900 sẽ không được nhập khẩu "tự do/free" như trước đây nữa mà sẽ phải xin phép và được một Ủy ban liên Bộ xem xét cấp phép theo từng lô hàng. Tuy nhiên, Thông báo này lại không đưa ra bất kỳ quy định nào về các tiêu chí và điều kiện cấp phép. Đây là một biện pháp hạn chế số lượng nhập khẩu và có nhiều khả năng vi phạm các cam kết liên quan của Ấn Độ trong WTO và các hiệp định thương mại khác.

Hương nhang được sử dụng tại thị trường Ấn Độ là loại đặc biệt và khác hẳn với các loại hương nhang sử dụng ở các nước châu Á khác. Loại hương nhang này có chiều dài khoảng 20-23 cm (trong khi các loại hương nhang khác là 38 cm), không mùi (trong khi các loại hương nhang khác đều có mùi), và được làm từ 3 loại nguyên liệu chính (i) Bột hương từ nguyên liệu tận thu của các ngành sản xuất khác, ví dụ như mùn cưa, bột than củi thu từ việc đốt các loại cành khô bỏ đi từ các vườn trồng cây ăn quả; (ii) Tăm hương làm từ cây vầu, chủ yếu ở các khu vực miền núi Thanh Hóa, Nghệ An; (iii) Keo kết dính làm từ bột vỏ cây bời lời trồng ở khu vực các tỉnh Tây Nguyên (Gia Lai, Kon Tum...). Do đó, khi thị trường Ấn Độ hạn chế nhập khẩu, toàn bộ ngành sản xuất hương nhang Ấn Độ ở Việt Nam có nguy cơ bị triệt tiêu vì không thể xuất khẩu mặt hàng này cho bất kỳ thị trường nào khác.

Việt Nam hiện đang chiếm tới trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm hương nhang của Ấn Độ. Đây là một ngành sản xuất tuy không chiếm tỷ trọng lớn nhưng có nhiều tiềm năng phát triển, mang lại lợi ích cho người lao động thu nhập thấp ở các địa phương khó khăn của Việt Nam. Hiện tại, ngành có khoảng hơn 100 doanh nghiệp, với hơn 2,5 vạn lao động nông thôn sản xuất, gia công hoặc cung cấp nguyên liệu tăm tre, keo, mùn cưa, bột than củi... cho sản xuất loại hương nhang này. Việc đình trệ sản xuất hương nhang Ấn không chỉ gây thiệt hại cho doanh nghiệp trong ngành, mà còn ảnh hưởng tới công việc của một lượng lớn lao động cơ bản, đem lại nhiều hệ quả tiêu cực đến kinh tế - xã hội tại các địa phương liên quan. Bên cạnh đó, các nguyên phụ liệu và máy móc hỗ trợ sản xuất dư thừa không thể tái sử dụng cho ngành nào khác mà buộc phải vứt bỏ, gây tác động xấu đến môi trường.

Ngay khi nhận được thông tin trên, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tiến hành rà soát các cam kết liên quan và tổ chức tọa đàm để tư vấn và hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành. Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan của Việt Nam cũng lập tức làm việc, trao đổi với các cơ quan đại diện của Ấn Độ nhằm giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động Việt Nam. Tuy vậy, đến thời điểm hiện tại, phía Ấn Độ vẫn chưa đưa ra được phản hồi tích cực nào.

Vụ việc trên là một trong những ví dụ điển hình cho những rủi ro về chính sách trong hoạt động thương mại quốc tế. Các nước nhập khẩu đang sử dụng ngày càng nhiều các hình thức bảo hộ đa dạng, do đó doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp đối phó như thường xuyên cập nhật thông tin và quy định của nước nhập khẩu, thiết lập các phương án quản trị rủi ro phù hợp, liên kết để tăng tiếng nói và nguồn lực trong các hoạt động pháp lý để đối phó với các biện pháp hạn chế nhập khẩu của nước ngoài... ■

Việt Nam bước vào năm nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020



➔ Ngày 04/11, Việt Nam chính thức nhậm chức chủ tịch luân phiên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), bắt đầu nhiệm kỳ từ 01/01/2020. Đây là một năm quan trọng của ASEAN với việc rà soát giữa kỳ triển khai các Kế hoạch Tổng thể xây dựng ASEAN trong 5 năm tiếp theo, đồng thời cũng là kỷ niệm 25 năm kể từ khi Việt Nam gia nhập ASEAN.

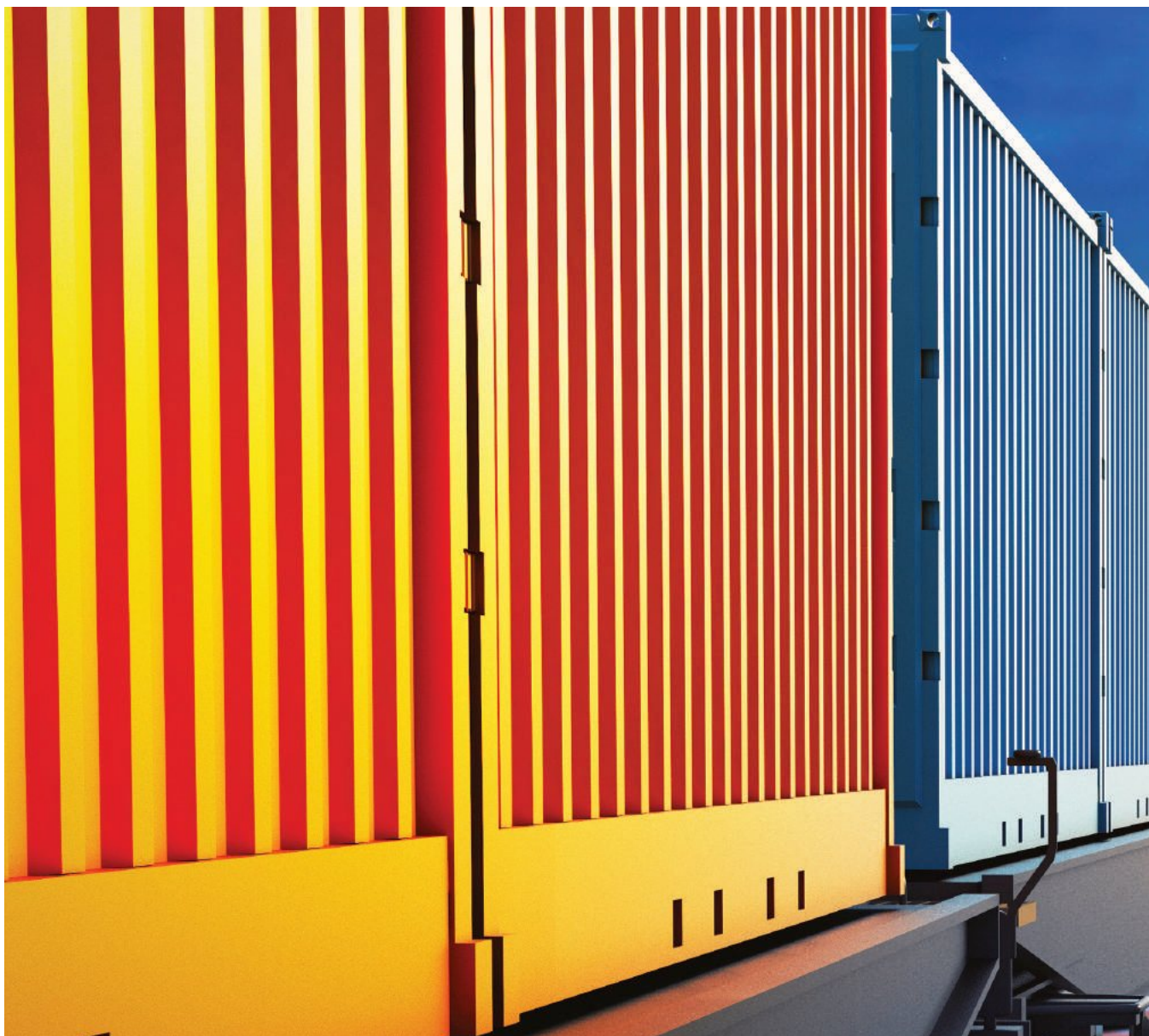
Năm Chủ tịch 2020 có chủ đề “Gắn kết và Chủ động thích ứng” – “Cohesive and Responsive”. Trong đó, khái niệm “gắn kết” mang ý nghĩa tăng cường liên kết khu vực về cả chính trị, kinh tế lẫn xã hội, củng cố sức mạnh nội tại và tính thống nhất của khối đoàn kết, đồng thời trân trọng bản sắc cộng đồng ASEAN. Trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ ngày càng phát triển hiện nay, chủ đề “gắn kết” lại càng có ý nghĩa hơn với định hướng phát triển của khu vực. Bên cạnh khái niệm “gắn kết” quen thuộc, “chủ động thích ứng” là một điểm mới trong Chủ đề năm ASEAN lần này, với mong muốn nâng cao tính sáng tạo, chủ động để thúc đẩy ASEAN ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn trong bối cảnh “thế giới đang thay đổi” và thực tế nhiều biến động hiện nay.

Việt Nam đang dần trở thành một trong những nền kinh tế phát triển mạnh mẽ nhất và hấp dẫn đầu tư nhất trong khu vực. Với vai trò Chủ tịch năm 2020, Việt Nam được kỳ vọng sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế của ASEAN thông qua việc khơi dậy tiềm năng thương mại nội khối (hiện chỉ chiếm khoảng 1/4 tổng thương mại của ASEAN), đẩy nhanh tiến trình các thỏa thuận thương mại tự do mà ASEAN tham gia (đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện Khu vực - RCEP) và giải quyết một số vấn đề tồn tại lớn của ASEAN (bất ổn kinh tế, tác động đến môi trường, thiếu tính liên kết khu vực...). ■

05 ưu tiên của Việt Nam với vai trò chủ tịch luân phiên ASEAN năm 2020

- *(i) Phát huy vai trò và đóng góp tích cực của ASEAN vào công cuộc duy trì môi trường hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực trên cơ sở tăng cường đoàn kết, thống nhất ASEAN; đẩy mạnh tinh thần gắn bó, tương trợ và ủng hộ lẫn nhau giữa các nước thành viên; nâng cao khả năng phối hợp lập trường chung của ASEAN trong việc xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế; thúc đẩy hình thành và tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực ứng xử chung trong quan hệ giữa các quốc gia; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực.*
- *(ii) Thúc đẩy liên kết và kết nối khu vực, nâng cao khả năng thích ứng và tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0: Liên kết kinh tế sâu rộng và kết nối toàn diện; thúc đẩy tăng trưởng bền vững và bao trùm về kinh tế, tài chính và xã hội trên nền tảng đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số và các công nghệ mới; tiếp tục nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường các dịch vụ xã hội phục vụ người dân và nhóm yếu thế; hiện đại hóa nền hành chính công; xây dựng môi trường xanh...*
- *(iii) Thúc đẩy ý thức cộng đồng và bản sắc ASEAN: Tạo dựng các giá trị chung của ASEAN và phổ biến rộng rãi trong người dân, thúc đẩy nhận thức và nhận diện về Cộng đồng ASEAN thống nhất trong đa dạng, nâng cao hình ảnh của Cộng đồng ASEAN trong khu vực và trên thế giới.*
- *(iv) Đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững với các nước trên thế giới, phát huy vai trò và đóng góp của ASEAN trong cộng đồng quốc tế; mở rộng và nâng tầm quan hệ với các Đối tác trên toàn cầu, góp phần định hình cấu trúc và luật chơi mới của khu vực và thế giới.*
- *(v) Nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN: Cải cách thể chế, tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN; điều chỉnh, hoàn thiện và nâng cấp các quy trình, quy chuẩn trong ASEAN.*

Bức tranh phòng vệ thương mại 2019



↗ Các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ (gọi chung là các biện pháp phòng vệ thương mại – PVTM) mà một nước nhập khẩu thực hiện với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài từ lâu đã trở thành một hiện tượng quen thuộc trong thương mại quốc tế. Hàng hóa xuất khẩu Việt Nam hầu như đã phải chấp nhận thực tế là các nguy cơ rủi ro kiện PVTM rình rập thường trực ở rất nhiều thị trường. Ở trong nước, các công cụ này cũng bắt đầu được sử dụng với tần suất cao hơn để ứng phó với hàng hóa nhập khẩu cạnh tranh không lành mạnh hoặc nhập khẩu ồ ạt gây thiệt hại từ nước ngoài. Năm 2019 có thể xem là ví dụ điển hình cho những xu hướng này.



PVTM – Mỗi lo thường trực của doanh nghiệp xuất khẩu

Trên thế giới, các ngành sản xuất nội địa nhiều nước đã sử dụng các công cụ này một cách thuần thục, thậm chí là lạm dụng để bảo vệ các lợi ích của mình trước hàng hóa nước ngoài nhập khẩu. Bản thân các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài cũng đã phải đối mặt với không ít các vụ điều tra và cả các biện pháp thuế nặng nề trong những năm qua. Theo thống kê của VCCI, tính đến 1/1/2020, hàng hóa xuất khẩu Việt Nam đã phải đối mặt với tổng cộng 156 vụ điều tra ở 19 thị trường.

Mỹ là thị trường chúng ta phải chịu thiệt hại nhiều nhất, với 29 vụ kiện, chiếm tới gần 19% tổng số vụ kiện. Thực tế này không quá bất ngờ, trong bối cảnh Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, lại cũng là thị trường sử dụng ráo riết các công cụ PVTM nhất nhì thế giới (với tổng cộng 981 vụ điều tra kể từ năm 1995 đến 30/6/2019). Hơn thế nữa, trong một vài năm trở lại đây, Hoa Kỳ lại đang theo đuổi chính sách có xu hướng bảo hộ nội địa mà PVTM là các công cụ kỹ thuật khá hữu hiệu để “đánh lẻ” bên cạnh những “quả bom” như lý do an ninh quốc gia (thuế nhôm thép) hay sở hữu trí tuệ (thuế với Trung Quốc).

Tiếp theo trong danh sách này là Ấn Độ, với 23 vụ điều tra nhắm vào hàng hóa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ, với 21 vụ. Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ không phải các thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam nhưng lại là một trong các thị trường dẫn đầu trên thế giới về tần suất sử dụng các công cụ PVTM, do đó doanh nghiệp Việt Nam làm ăn với các thị trường này cần hết sức thận trọng. Cùng nằm trong nhóm các thị trường rủi ro cao mà doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý này còn có Australia, Brazil, Canada, Chi-lê, Mexico, Hàn Quốc, Paskistan, Indonesia, Nam Phi.

Riêng trong năm 2019, số các vụ kiện khởi xướng chống lại hàng Việt Nam xuất khẩu là 12 vụ. Con số này tuy đã giảm so với 19 vụ năm 2018 và là thấp nhất kể từ năm 2014, đây vẫn là một cảnh báo quan trọng với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Trong năm 2020, mặc dù tình hình thế giới được dự báo sẽ khả quan hơn một chút khi các điểm nóng căng thẳng thương mại có dấu hiệu giảm nhiệt, xuất khẩu Việt Nam vẫn sẽ đứng trước những thách thức lớn, mà một trong số đó là các vụ điều tra PVTM.



Một xu hướng khác rất đáng chú ý trong một vài năm trở lại đây, đó là số các vụ điều tra chống lẩn tránh thuế (điều tra do hàng hóa nước khác bị áp dụng biện pháp PVTM lẩn tránh qua Việt Nam) đang có xu hướng tăng lên. Đây là những vụ việc “tai bay vạ gió” nhưng lại có thể gây ra thiệt hại rất lớn và trong lâu dài đối với xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt là ở các thị trường trọng điểm. Để đối phó với tình hình này, Bộ Công Thương, cơ quan quản lý Nhà nước phụ trách về vấn đề này, năm 2019 đã phải xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 824/QĐ-TTg ngày 4/7/2019 phê duyệt Đề án tăng cường quản lý Nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ (Đề án 824).

Từ góc độ sản phẩm, những hàng hóa có thể là đối tượng bị kiện PVTM ở nước ngoài đang ngày càng mở rộng, không chỉ dừng lại ở các mặt hàng mà Việt Nam có năng lực cạnh tranh và thế mạnh xuất khẩu tương đối (như thủy sản, giày dép) mà có thể là bất kỳ sản phẩm nào có nguy cơ đe dọa tới ngành sản xuất nội địa ở thị trường xuất khẩu (ví dụ sợi, bột lửa ga, lốp xe máy, đèn huỳnh quang, mắc áo thép, túi...). Động thái của ngành sản xuất nội địa nước xuất khẩu, vì vậy lại trở thành chỉ báo chính cho các nguy cơ kiện, mà không phải số lượng hay tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tại một thị trường. Chính vì lý do này mà Chương trình cảnh báo sớm các vụ điều tra PVTM ở nước ngoài dựa trên biến động về tăng trưởng khối lượng hàng hóa xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm mà Bộ Công Thương thực hiện nhiều năm qua đã không mang lại hiệu quả mong muốn. Năm 2019, một Chương trình mới được thay thế, thể hiện trong Đề án 824 nói trên. Các doanh nghiệp cần theo dõi các kết quả dự báo của Chương trình này để có chiến lược chuẩn bị và ứng phó sớm với các nguy cơ.

Các vụ điều tra PVTM ở nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam

Vụ việc	Tổng số các vụ khởi kiện đến 1/1/2020	Số lượng các vụ khởi kiện năm 2019
Chống bán phá giá	89	8
Chống trợ cấp	19	0
Chống lẩn tránh	16	2
Tự vệ	32	2
Tổng cộng	156	12

Nguồn: www.chongbanphagia.vn

Đánh thức công cụ PVTM ở Việt Nam

Trái ngược với thế giới, trong suốt một khoảng thời gian dài, PVTM vẫn là công cụ xa lạ ở Việt Nam. Không nhiều các doanh nghiệp Việt Nam biết và xa hơn nữa là sử dụng được công cụ này để ứng phó với những hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc nhập khẩu ồ ạt của hàng hóa nước ngoài gây thiệt hại đáng kể hoặc nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Trong suốt 10 năm kể từ ngày các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ được quy định trong pháp luật, chỉ có 01 vụ điều tra được khởi xướng – Điều tra tự vệ đối với mặt hàng kính nổi.

Tuy nhiên, tình hình đang thay đổi rất nhanh, theo hướng doanh nghiệp nội địa ngày càng biết đến và bắt đầu sử dụng thành thạo hơn các công cụ này. Trong vòng 10 năm tính từ vụ việc PVTM đầu tiên năm 2009, đã có tổng cộng 16 vụ điều tra PVTM được khởi xướng ở Việt Nam (trong đó có 9 vụ điều tra chống bán phá giá, 6 điều tra tự vệ và 1 điều tra chống trợ cấp).

Năm 2019 đánh dấu bước ngoặt rõ ràng nhất của xu hướng này với 05 vụ khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với hàng hóa nước ngoài, chiếm tới hơn phân nửa các vụ điều tra chống bán phá giá và gần 1/3 tổng số vụ điều tra PVTM từng được khởi xướng ở Việt Nam. Không có vụ điều tra chống trợ cấp hay tự vệ nào được khởi xướng trong năm 2019.

Nhìn vào “cơ cấu” các vụ việc PVTM ở Việt Nam, có thể thấy điểm giống và khác so với thế giới nói chung. Cụ thể, tính cho tới trước năm 2019, cơ cấu các vụ PVTM ở Việt Nam hoàn toàn trái ngược so với thế giới, với số các vụ điều tra tự vệ chiếm tỷ lệ lớn nhất, số vụ chống bán phá giá, chống trợ cấp chỉ là thiểu số. Điều này gây quan ngại bởi khác với biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, các biện pháp phòng vệ vốn được sử dụng với mục tiêu bảo hộ rõ ràng, khi mà hàng hóa nhập khẩu nước ngoài không có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp hay không lành mạnh nào, và do đó việc sử dụng cần rất tiết chế và có thể phải bồi thường cho các nước xuất khẩu bị ảnh hưởng. Năm 2019, với cả 05 vụ điều tra PVTM đều là điều tra chống bán phá giá được khởi xướng, cơ cấu các vụ kiện PVTM ở Việt Nam đã dần tiệm cận với thế giới, cho thấy các doanh nghiệp đã bắt đầu biết sử dụng các công cụ PVTM như là cách thức chủ động để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình chứ không phải sử dụng như một công cụ bảo hộ thụ động.

Các vụ việc chống bán phá giá năm 2019 do Việt Nam khởi xướng

Mã vụ việc	Nguyên đơn	Hàng hóa bị điều tra	Nước xuất khẩu liên quan	Diễn tiến năm 2019
AD05	Công ty CP Nhôm Austdoor; Công ty CP Nhôm Sông Hồng; Công ty TNHH Tung Yang; Công ty CP Tập đoàn Mienhua	Nhôm, hợp kim hoặc không hợp kim, dạng thanh, que và hình	Trung Quốc	Khởi xướng điều tra ngày: 10/01/2019 Quyết định tạm thời ngày: 29/05/2019 Quyết định cuối cùng ngày 28/09/2019
AD06	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị và Công ty Cổ phần Kim Tín MDF	Sản phẩm ván sợi bằng gỗ hoặc bằng các loại vật liệu có chất gỗ khác	Thái Lan, Malaysia	Khởi xướng điều tra ngày: 16/04/2019
AD07	Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa; và Công ty CP nhựa Youl Chon Vina	Một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen	Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia	Khởi xướng điều tra ngày: 05/08/2019
AD08	Công ty TNHH Posco – Việt Nam, Công ty Cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Một số sản phẩm thép cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm	Trung Quốc	Khởi xướng điều tra ngày: 03/09/2019
AD09	Công ty Ajinomoto Việt Nam, Công ty CP hữu hạn Vedan Việt Nam và Công ty TNHH Miwon Việt Nam	Một số sản phẩm bột ngọt	Trung Quốc, Indonesia	Khởi xướng điều tra ngày: 31/10/2019

Nguồn: www.chongbanphagia.vn

Mặc dù vậy, trên thực tế, nhóm có thể sử dụng các công cụ này vẫn còn giới hạn ở ngành thép (10/16 vụ điều tra liên quan tới sản phẩm sắt, thép), với hạt nhân cốt lõi là một số doanh nghiệp vốn FDI có kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực này. Hơn nữa không ít trong số này là các doanh nghiệp lớn, chiếm thị phần đáng kể hoặc chủ yếu trên thị trường. Theo cách này, công cụ phòng vệ thương mại chưa trở thành “vũ khí” cho các doanh nghiệp nhỏ, những đối tượng suy đoán là chịu ảnh hưởng chủ yếu và đáng kể nhất từ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa nhập khẩu.



Từ góc độ này, năm 2019 cũng đánh dấu sự thay đổi nhất định, khi lần đầu tiên đã có các vụ kiện chống bán phá giá đầu tiên với các sản phẩm khác không phải là thép như bột ngọt, ván sợi, nhựa. Dường như các doanh nghiệp các ngành cũng đã bắt đầu quan tâm tới công cụ PVTM này.

Cũng trong năm 2019, hiện tượng các biện pháp phòng vệ thương mại gây thiệt hại, dẫn tới khó khăn, ảnh hưởng tới lợi ích của các nhóm doanh nghiệp “hạ nguồn” (sử dụng sản phẩm bị áp thuế PVTM làm nguyên liệu đầu vào), từ đó ảnh hưởng tới người tiêu dùng, cũng đã được nhận diện ngày càng rõ nét. Thực tế này, cùng với việc pháp luật PVTM không còn coi “lợi ích kinh tế-xã hội” là một thành tố bắt buộc xem xét khi quyết định áp đặt các biện pháp PVTM, buộc các doanh nghiệp sản xuất phải quan tâm tới bất kỳ vụ việc PVTM nào đối với các sản phẩm đầu vào cho sản xuất của mình và phải có tiếng nói tích cực để bảo vệ lợi ích của mình ngay trong quá trình điều tra.

Ở một góc độ khác, các vụ việc điều tra PVTM với những thực thể đa dạng cũng là hình thức để kiểm nghiệm tính hợp lý, khả thi của các quy định pháp luật về phòng vệ thương mại. Trong năm 2019, Thông tư 06/2018/TT-BCT hướng dẫn biện pháp PVTM đã phải sửa đổi toàn diện để khắc phục những bất cập trong thực tiễn áp dụng, thay thế bằng Thông tư 37/2019/TT-BCT.

Thay đổi đáng kể nhất trong Thông tư mới này liên quan tới các quy trình, thủ tục để miễn trừ biện pháp phòng vệ thương mại. Trên thực tế, các biện pháp phòng vệ thương mại một mặt bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành sản xuất trong nước nhưng mặt khác cũng gây thiệt hại cho nhiều doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp ở các giai đoạn sau của chu trình sản xuất, sử dụng các sản phẩm là đối tượng bị áp dụng biện pháp phòng vệ làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Các trường hợp miễn trừ được thiết kế để hài hòa và giải quyết xung đột lợi ích này, mở ra không gian nhất định cho các doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất. Những bất cập làm hạn chế hiệu quả của quy định về miễn trừ này (ví dụ về thời điểm miễn trừ, về các điều kiện miễn trừ...) đã cơ bản được khắc phục trong Thông tư mới.

Mặc dù vậy, cũng vẫn còn những vấn đề pháp lý quan trọng liên quan tới các biện pháp phòng vệ thương mại chưa được Thông tư mới đụng chạm tới. Ví dụ các quy trình thủ tục cho điều tra nhà xuất khẩu mới, một chế định bắt buộc trong WTO, đã được quy định nguyên tắc trong Nghị định, nhưng lại không thể triển khai trên thực tế do không có Thông tư hướng dẫn về thủ tục cụ thể. Việc thiếu vắng các quy định như vậy khiến cho lợi ích chính đáng của nhiều doanh nghiệp liên quan chưa được bảo vệ triệt để, đồng thời cũng đặt Việt Nam trước nguy cơ rủi ro vi phạm các nghĩa vụ liên quan trong WTO.

Rõ ràng cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước đều có rất nhiều việc phải làm để công cụ PVTM trở thành công cụ hữu ích để bảo vệ những lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp ở trong nước cũng như giảm thiểu mối đe dọa từ công cụ này ở các thị trường xuất khẩu. ■

Giới thiệu ấn phẩm mới của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI



Sổ tay Doanh nghiệp: NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ CÁC FTA CỦA VIỆT NAM

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, sau giai đoạn mở cửa theo chiều rộng bằng việc gia nhập và thực thi các cam kết WTO, Việt Nam đã bước sang giai đoạn hội nhập theo chiều sâu, với việc đàm phán, ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA).

Tính tới thời điểm 1/2020, Việt Nam đã có tổng cộng 13 FTA đang có hiệu lực, 01 FTA đã ký, và 03 FTA đang trong quá trình đàm phán. Với số lượng các FTA như vậy, Việt Nam đang đứng trong top các nền kinh tế có nhiều FTA nhất trong khu vực và trên thế giới.

Mặc dù vậy, tới nay khả năng tận dụng các lợi ích từ các FTA của nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Một trong những lý do được nói tới là doanh nghiệp chưa được trang bị kiến thức cơ bản về các FTA, chưa nói tới việc hiểu nội dung và tận dụng các lợi ích từ các cam kết trong từng FTA cụ thể.

Do đó, Trung tâm WTO và Hội nhập – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tiến hành biên soạn và xuất bản Sổ tay Doanh nghiệp **“Những điều cần biết về các FTA của Việt Nam”** nhằm cung cấp cho doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm những kiến thức cốt lõi nhất về một FTA, các tác động và cách thức ứng phó cơ bản trước một FTA. Sổ tay cũng giới thiệu những nét vắn tắt nhất về các FTA mà Việt Nam đã có, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nền tảng thích hợp để tìm hiểu sâu hơn về từng FTA. Đây sẽ là những bước đầu tiên để doanh nghiệp có thể tận dụng các cơ hội, vượt qua thách thức từ các FTA và hội nhập thành công.

Ấn phẩm này được giới thiệu tại mục Ấn phẩm của Cổng thông tin WTO và Hội nhập:
www.trungtamwto.vn.

<http://trungtamwto.vn/an-pham/13997-so-tay-doanh-nghiep-nhung-dieu-can-biet-ve-cac-fta-cua-viet-nam>



BỘ 03 CẨM NANG DOANH NGHIỆP: EVFTA VÀ NGÀNH TÀI CHÍNH/ VIỄN THÔNG/ LOGISTICS VIỆT NAM

Ngày 30/6/2019, Hiệp định Thương mại Tự do (EVFTA) và Bảo hộ Đầu tư (EVIPA) giữa Việt Nam và EU đã được ký kết. Hai Hiệp định này đã được EU thông qua, và sẽ sớm được phê chuẩn theo thủ tục nội bộ tại Việt Nam để có hiệu lực chính thức. Là Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tiêu chuẩn cao và có quy mô lớn nhất mà Việt Nam từng đàm phán ký kết cho tới thời điểm hiện tại, EVFTA-EVIPA được kỳ vọng sẽ tạo ra những cơ hội phát triển đặc biệt có ý nghĩa cho nhiều ngành và cả nền kinh tế Việt Nam.

Các dịch vụ logistics (vận tải, hỗ trợ vận tải), dịch vụ tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán) và dịch vụ viễn thông là những dịch vụ có các cam kết đáng chú ý trong EVFTA theo hướng mở cửa mạnh hơn đáng kể so với WTO. Trong khi đó, EU lại là đối tác có thể mạnh về các dịch vụ logistics, tài chính, viễn thông. Vì vậy, EVFTA được dự báo sẽ có tác động đáng kể đến tương lai ngành và thị trường logistics - tài chính - viễn thông Việt Nam.

Từ góc độ mở cửa thị trường, EVFTA mở ra các cơ hội kinh doanh và bảo hộ có ý nghĩa cho các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư EU trong 03 lĩnh vực kể trên vào thị trường đầy tiềm năng của Việt Nam. Từ góc độ ngược lại, Hiệp định này cũng đặt các doanh nghiệp tài chính, viễn thông, logistics Việt Nam trước một tương lai cạnh tranh gay gắt và phức tạp hơn từ các đối thủ EU vốn rất mạnh trong lĩnh vực này. Đây là thách thức trực diện nhưng đồng thời cũng có thể là sức ép hợp lý để ngành và doanh nghiệp tài chính, viễn thông, logistics Việt Nam cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Từ góc độ hiệu quả, tăng cường cạnh tranh trên thị trường nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất quan trọng như logistics, tài chính, viễn thông lại hứa hẹn tạo cơ hội để các ngành sản xuất chế biến chế tạo của Việt Nam, đặc biệt là trong các khu vực sản xuất xuất khẩu, có thể tiếp cận các dịch vụ này với chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn, từ đó có thể giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh về giá cho các hàng hóa Việt Nam, nhất là hàng hóa xuất khẩu.

Để giúp các doanh nghiệp liên quan hiểu về các cam kết EVFTA, chuẩn bị hiệu quả để tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức từ Hiệp định này, Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện Bộ 03 Cẩm nang Doanh nghiệp **“EVFTA và ngành Tài chính/ Viễn thông/Logistics Việt Nam”** nhằm giúp các doanh nghiệp có cái nhìn đầy đủ, chính xác và bao quát về (i) nội dung các cam kết EVFTA về dịch vụ viễn thông, (ii) các tác động khác nhau của các cam kết này tới thị trường và ngành viễn thông Việt Nam, và (iii) đưa ra các khuyến nghị cốt lõi cho các chủ thể này nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội và vượt qua các thách thức, nếu có, từ các cam kết này. ■



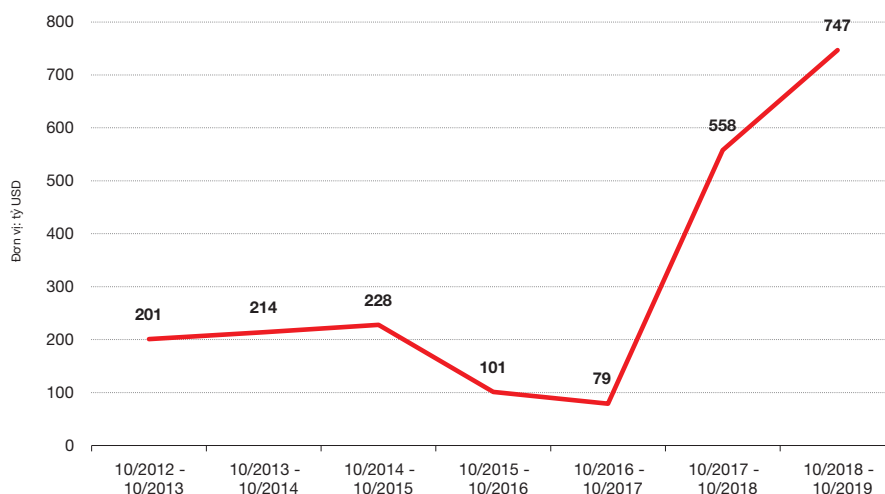
Ấn phẩm này được giới thiệu tại mục Ấn phẩm của Cổng thông tin WTO và Hội nhập:
www.trungtamwto.vn.

<http://trungtamwto.vn/an-pham>

Gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại trên toàn cầu

Theo một báo cáo của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), 2019 là năm kỷ lục của các biện pháp hạn chế thương mại được ban hành bởi các thành viên WTO. Cụ thể, từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2019, đã có 102 biện pháp hạn chế thương mại được thực hiện, gây tác động tới hơn 747 tỷ USD thương mại toàn cầu – con số cao nhất kể từ tháng 10/2012 và tăng 27% so với giai đoạn trước đó (588 tỷ USD giai đoạn từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2018).

Giá trị thương mại bị ảnh hưởng bởi các biện pháp hạn chế thương mại mới giai đoạn 2012 - 2019



Nguồn: Ban thư ký WTO

Báo cáo của WTO cũng điểm mặt chỉ tên các biện pháp hạn chế thương mại sử dụng phổ biến nhất trong năm 2019, bao gồm: tăng thuế quan, hạn chế số lượng nhập khẩu, tăng cường các thủ tục hải quan, áp đặt các loại thuế xuất, nhập khẩu mới. Lĩnh vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi các biện pháp này là khoáng chất và nhiên liệu (17,7%), máy móc và thiết bị cơ khí (13%), máy móc và thiết bị điện (11,7%) và kim loại quý (6%).

Từ năm 2009 tới nay, các biện pháp hạn chế thương mại đã tác động tới 7,5% tổng thương mại toàn cầu, làm giảm tốc độ tăng trưởng thương mại, ảnh hưởng tới công ăn việc làm và sức mua trên toàn thế giới. WTO đã có nhiều nỗ lực nhằm giảm sự gia tăng về số lượng và tác động của các biện pháp này. Tuy nhiên, trong năm 2019 tình hình thương mại thế giới có nhiều biến động, đặc biệt là căng thẳng leo thang trong các cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, Mỹ - EU cùng những hệ lụy của chúng đã khiến số lượng các biện pháp hạn chế thương mại gia tăng khó kiểm soát.

Sự gia tăng chóng mặt của các biện pháp có tính hạn chế thương mại cũng làm nóng các chương trình nghị sự tại WTO. Đã có 230 quan ngại được các nước thành viên đưa ra trong 28 cuộc họp chính thức năm 2019, tăng 8% so với dự đoán trước đó. Trong hoàn cảnh “nước sôi lửa bỏng” này, việc Cơ quan Phúc thẩm của WTO lần đầu tiên trong lịch sử phải tạm dừng làm việc do không đủ số lượng thành viên sau khi Mỹ liên tục phủ quyết bổ nhiệm thành viên mới càng khiến tình hình căng thẳng hơn. Với việc Cơ quan Phúc thẩm bị “tê liệt”, Cơ chế giải quyết tranh chấp, một trong cơ chế thành công nhất của WTO, có nguy cơ ngưng trệ hoàn toàn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới vai trò và uy tín của WTO.

Mặc dù vậy, giữa bức tranh nhiều màu tối của thương mại thế giới năm 2019 vẫn có những điểm sáng đáng ghi nhận. Không ít nước thành viên WTO vẫn kiên trì theo đuổi chủ nghĩa tự do hóa thương mại, với việc tiếp tục cắt giảm các rào cản thương mại, ký kết các thỏa thuận tự do hóa thương mại mới. Năm 2019, các nước thành viên WTO đã thực hiện 120 biện pháp tạo thuận lợi thương mại mới giúp thúc đẩy hơn 544 tỷ USD thương mại toàn cầu – con số cao thứ hai kể từ tháng 10/2012. Nhiều thỏa thuận thương mại tự do lớn đạt bước tiến, như Khu vực thương mại tự do lục địa châu Phi (AfCFTA) chính thức có hiệu lực tháng 5/2019, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) kết thúc sơ bộ đàm phán tháng 11/2019, Hiệp định Thương mại Tự do EU – Singapore chính thức có hiệu lực từ 12/11/2019, Hiệp định Thương mại Tự do EU – Nhật Bản chính thức có hiệu lực từ 1/2/2019, Hiệp định Thương mại tự do Liên minh kinh tế Á – Âu và Singapore được ký kết vào 1/10/2019... ■



Mỹ và những cuộc chiến thương mại diễn biến ngược chiều



Mỹ - Trung: Hoàn tất thỏa thuận thương mại giai đoạn 1

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã kéo dài một năm rưỡi với nhiều cung bậc từ căng thẳng đến hòa hoãn, tiếp tục đối đầu kịch liệt rồi lại cùng ngồi xuống tìm kiếm một tiếng nói chung. Sau nhiều lần đổ vỡ, cuối cùng thì đàm phán Mỹ - Trung đã đạt được tiến triển đáng kể vào ngày 13/12/2019 - hai nước đạt thỏa thuận thương mại "giai đoạn 1", đã chính thức được ký kết vào ngày 15/1/2020. Đây là động thái tích cực mới nhất làm dấy lên niềm hy vọng rằng cuộc chiến tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới vốn làm ảnh hưởng đáng kể tới kinh tế toàn cầu sẽ được giải quyết trong tương lai không xa. Dưới đây là tóm tắt các mốc chính mà hai nền kinh tế lớn nhất nhì toàn cầu đã vất vả đi qua trong năm 2019 trước khi đạt được thỏa thuận giai đoạn 1 nói trên.

Giai đoạn căng thẳng

Sau 03 đợt áp thuế năm 2018 và nửa đầu 2019, ngày 13/8/2019, Mỹ tuyên bố sẽ tiếp tục áp thuế lần thứ 4 lên 300 tỷ USD hàng hóa còn lại của Trung Quốc, chia làm 2 giai đoạn áp thuế lần lượt vào ngày 1/9 (Danh sách 4A) và ngày 15/12 (Danh sách 4B). Nếu tuyên bố này được thực hiện đầy đủ, gần như toàn bộ hàng hóa Trung Quốc sẽ đều bị Mỹ áp thuế bổ sung. Sau đó 10 ngày, 23/8/2018, Trung Quốc tuyên bố trả đũa bằng danh sách áp thuế lên 5.078 loại hàng hóa từ Mỹ trị giá 75 tỷ USD, cũng chia làm 2 giai đoạn áp thuế lần lượt vào 1/9 (Danh sách 1) và 15/12 (Danh sách 2), thể hiện thái độ cứng rắn không khoan nhượng trong cuộc chiến thuế quan.

Không chỉ dừng lại ở thuế, ngày 6/8/2019, chính quyền Trump còn buộc tội Trung Quốc đang thao túng tiền tệ để giành lợi thế thương mại trong xuất khẩu, khi chúng kiến đồng nhân dân tệ sụt giá xuống mức thấp nhất trong vòng 11 năm qua, và đe dọa sẽ áp thuế trừng phạt nếu tình hình không được cải thiện. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã bác bỏ lời buộc tội này và khẳng định trị giá đồng nhân dân tệ thay đổi hoàn toàn do tác động của cung cầu thị trường. Mỹ đã liệt kê vấn đề này vào danh sách quan trọng cần thảo luận khi làm việc với các nhà đàm phán Trung Quốc về một thỏa thuận chung.

Đúng thời hạn ngày 1/9/2019, Washington và Bắc Kinh tiến hành áp thuế bổ sung lên hàng hóa của nhau theo các Danh sách 4A (Mỹ) và Danh sách 1 (Trung Quốc) như trên, đẩy cuộc chiến lên một mức độ nghiêm trọng mới, gây thiệt hại cho nhiều ngành hàng quan trọng của cả hai nền kinh tế. Tiếp đó, ngày 2/9/2019, Trung Quốc nộp đơn kiện lên WTO phản đối hành động áp thuế của Mỹ lên 300 tỷ USD hàng hóa của nước này. Đây là vụ kiện thứ 3 của Trung Quốc tại WTO liên quan tới việc hàng hóa nước này bị Mỹ áp thuế bổ sung.

Những bước giảm nhiệt

Theo những tiến triển khả quan qua từng vòng đàm phán, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung cũng đã dần dịu đi vào những tháng cuối năm 2019. Ngày 11/9/2019, Trung Quốc tuyên bố sẽ miễn trừ thuế bổ sung cho 16 loại hàng hóa từ Mỹ bao gồm thuốc chữa ung thư, dầu nhờn, thuốc trừ sâu và thức ăn chăn nuôi, có hiệu lực trong vòng 1 năm kể từ ngày 17/9/2019. Phía Mỹ ngày 20/9/2019 cũng công bố danh sách 437 mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ được miễn trừ thuế bổ sung, bao gồm hóa chất, hàng dệt may, nhu yếu phẩm, sản phẩm từ sắt thép...

Các động thái trên của hai bên được cho là để thể hiện thái độ thiện chí cho vòng đàm phán song phương vào tháng 10, đồng thời giảm bớt sức ép do thuế quan mang lại lên thị trường nội địa của hai nước.

Kết quả là đàm phán tháng 10 đã ghi nhận thành công đáng kể với một tuyên bố "đình chiến" – Thỏa thuận khung thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 1 đã được đồng thuận bởi lãnh đạo hai bên vào ngày 11/10/2019. Hai tháng sau đó là quá trình thảo luận chi tiết và soạn thảo văn kiện, tuy không quá suôn sẻ nhưng Mỹ và Trung Quốc vẫn duy trì tinh thần phối hợp, cho đến khi thỏa thuận "giai đoạn 1" chính thức hoàn tất vào khoảng giữa tháng 12/2019.

Đạt được thỏa thuận sơ bộ

Mỹ-Trung đạt được Thỏa thuận mới ngay trước thời điểm dự kiến áp thuế lần tiếp theo (ngày 15/12/2019). Văn kiện chính thức bao gồm 94 trang với 8 Chương. Theo đó, phía Mỹ đồng ý dừng việc áp thuế bổ sung 15% lên 160 tỷ USD hàng hóa từ Trung Quốc vào 15/12 dự kiến trước đó, đồng thời sẽ giảm mức thuế bổ sung 15% đã áp lên 120 tỷ USD hàng Trung Quốc từ 1/9/2019 xuống còn 7,5%. Mặc dù vậy, mức thuế quan 25% áp lên 250 tỷ USD hàng nhập khẩu Trung Quốc từ năm 2018 vẫn tiếp tục được duy trì, và có được cắt bỏ hay không phụ thuộc vào tiến triển của các cuộc đàm phán trong tương lai. Bên cạnh đó, Washington còn đưa vào Thỏa thuận một cơ chế bảo đảm thực thi cam kết, bao gồm quy định về tham vấn song phương định kỳ, và cho phép trả đũa thuế quan hoặc ngừng thực thi thỏa thuận nếu một bên vi phạm các điều khoản đã cam kết.

Đổi lại, Trung Quốc đã đồng ý (i) tăng lượng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ từ Mỹ, với trị giá ít nhất 200 tỷ USD trong vòng 2 năm tiếp theo, trong đó có khoảng 40-50 tỷ USD là hàng nông nghiệp, và xây dựng lộ trình cắt giảm thuế quan trong thời gian tới; (ii) dừng dự định áp thuế bổ sung lên hàng hoá Mỹ từ ngày 15/12/2019; và (iii) cải thiện các chính sách nội địa liên quan tới tiền tệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, hàng rào phi thuế, bảo hộ đầu tư...

Với nhiều nhà quan sát, thỏa thuận bước đầu này là một thành tựu đáng kể, thể hiện thái độ tích cực muốn giải quyết mâu thuẫn chung từ cả hai phía, đồng thời mở ra khả năng kết thúc hoàn toàn chiến tranh thương mại hai bên. Để đạt được viễn cảnh tốt đẹp ấy, Mỹ và Trung Quốc vẫn còn nhiều điều cần làm trong các giai đoạn đàm phán tiếp theo, khi mà những vấn đề còn lại đều phức tạp và cần nhiều thời gian xử lý, ví dụ như chính sách trợ cấp doanh nghiệp nội địa của Trung Quốc. Dù còn nhiều mây mù che phủ, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã hé lộ những tia sáng đầu tiên về một tương lai khả quan hơn phía trước.

Văn kiện Thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 1 được đính kèm trong link sau:

<http://www.trung-tamwto.vn/chuyen-de/14767-van-kien-thoa-thuan-thuong-mai-giai-doan-1-my-trung>



Mỹ - EU: Gia tăng căng thẳng thương mại

Đã từ lâu, Mỹ và EU vẫn tồn tại mâu thuẫn liên quan đến các khoản trợ cấp khổng lồ mà mỗi bên dành cho hãng sản xuất máy bay lớn nhất của mình, cụ thể là Airbus của EU và Boeing của Mỹ. Mâu thuẫn này đã được đẩy lên Cơ quan giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), lần lượt theo các vụ kiện: DS316 - Mỹ kiện EU về các khoản trợ cấp dành cho Airbus tháng 10/2004, và DS353 - EU kiện Mỹ về các khoản trợ cấp dành cho Boeing tháng 6/2005.

Hai vụ kiện trên đã kéo dài dai dẳng hơn 15 năm qua, với nhiều lần được xem xét bởi Ban Hội thẩm rồi rà soát lại ở Cơ quan Phúc thẩm, và thậm chí phải sử dụng đến cả trọng tài WTO để giải quyết việc thực thi phán quyết. Theo đó, WTO đều kết luận cả Mỹ và EU đã dành hàng tỷ USD trợ cấp cho hãng máy bay của mình dưới các hình thức khác nhau.

WTO yêu cầu mỗi bên phải rút lại các khoản trợ cấp của mình, đồng thời cho phép bên kia có quyền trả đũa thương mại cho những thiệt hại phải gánh chịu từ các khoản trợ cấp này. Tuy nhiên, do giá trị của các khoản trợ cấp cũng như thiệt hại gây ra trong mỗi vụ kiện này đều rất lớn nên việc xác định hình thức và giá trị thương mại của hành động trả đũa cũng tốn nhiều thời gian và gây nhiều tranh cãi.

Mới đây nhất, ngày 2/10/2019, trong vụ DS316 (Mỹ kiện EU), WTO đã ra phán quyết cho phép Mỹ được áp thuế trả đũa lên hàng hóa nhập khẩu từ EU có trị giá lên tới 7,5 tỷ USD mỗi năm. Ngay sau phán quyết này, Mỹ đã tiến hành áp thuế bổ sung 10% lên máy bay Airbus sản xuất tại EU và 25% đối với một số sản phẩm đồ uống và nông sản EU, có hiệu lực từ ngày 18/10/2019.

Đáp lại, phía EU tuyên bố đang lên kế hoạch áp dụng thuế quan trả đũa đối với Mỹ. Nền kinh tế này đang chờ đợi phán quyết tương tự của WTO, dự kiến vào đầu năm 2020, trong vụ kiện DS353 về việc Boeing nhận được trợ cấp từ Mỹ để đưa ra biện pháp trừng phạt phù hợp.

Trong khi vụ tranh chấp về máy bay còn chưa hạ nhiệt thì một động thái khác của Mỹ lại tiếp tục đẩy mâu thuẫn thương mại giữa hai bên lên cao. Đó là vào ngày 2/12/2019, Mỹ đột ngột đe dọa sẽ áp thuế lên tới 100% với 2,4 tỷ USD hàng nhập khẩu từ Pháp, trong đó có các sản phẩm thể mạnh của nước này như phô mai, mỹ phẩm, túi xách, và rượu sâm banh, từ đầu năm 2020. Mục đích là để trả đũa việc Pháp đánh thuế 3% doanh thu của các công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật số có doanh thu hàng năm đạt từ 830 triệu USD trở lên. Hành động được cho là nhằm vào các công ty của Mỹ bởi đa số trong 30 công ty bị ảnh hưởng là của Mỹ như Amazon, Facebook, Apple và Google.

Trước lời đe dọa của Mỹ, phía Pháp tuyên bố sẵn sàng trả đũa và kiện Mỹ lên WTO nếu Mỹ áp dụng mức thuế quan mà họ cho là "sai lầm" này.

Như vậy, không chỉ với Trung Quốc, với EU và nhiều nước khác chính quyền Trump tiếp tục có những động thái mạnh gây căng thẳng thương mại nhằm "đòi lại công bằng" cho nước Mỹ. Trước sức ép của Mỹ, các nước đều tỏ ra không nhân nhượng, sẵn sàng đáp trả bằng các biện pháp tương tự và kiện Mỹ ra WTO. Các cuộc chiến này nếu kéo dài sẽ không chỉ gây ảnh hưởng cho nền kinh tế của các nước trong cuộc, mà còn tác động xấu đến thương mại và kinh tế toàn cầu. ■



Mỹ - Mexico - Canada: Chính thức ký kết USMCA

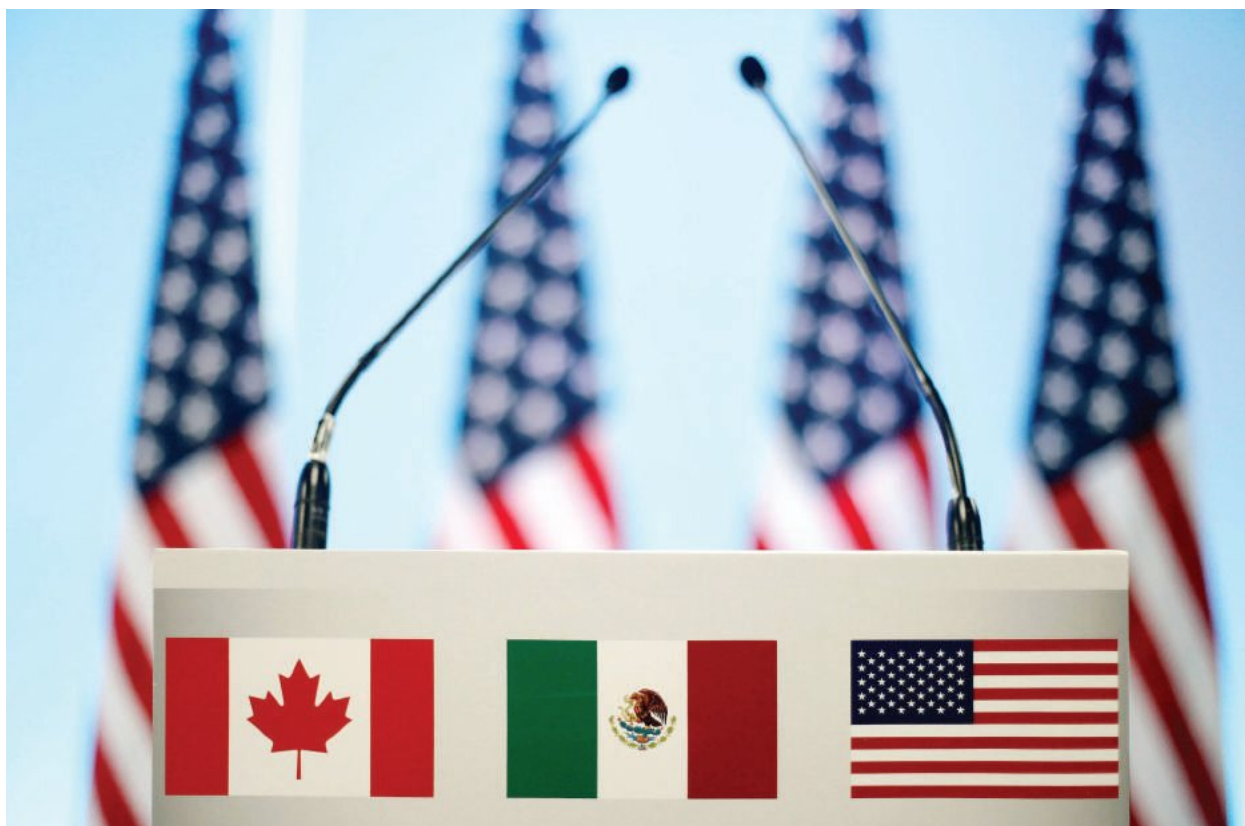
Ngày 10/12/2019, đại diện ba nước Mỹ, Mexico và Canada đã cùng đặt bút ký kết Hiệp định Mỹ - Mexico - Canada (USMCA), với một số điều chỉnh về nội dung so với bản thỏa thuận từng được ba nước này ký một năm trước đó (vào ngày 30/11/2018). Đây là phiên bản nâng cấp của Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA), hay còn gọi là NAFTA 2.0, làm khung khổ cho hoạt động thương mại trong tương lai của thị trường Bắc Mỹ có tổng kim ngạch thương mại lên tới 1000 tỷ USD/năm này.

So với phiên bản ký kết năm ngoái, Hiệp định USMCA phiên bản mới này bổ sung thêm các điều khoản chi tiết hơn về lao động và môi trường, cơ chế giải quyết tranh chấp, cùng với một số quy định kỹ thuật liên quan đến ngành ô tô và dược phẩm. Để đạt được thỏa thuận mới vốn được khởi xướng bởi Mỹ sau khi Tổng thống Donald Trump lên nắm chính quyền, các nước thành viên, mà đặc biệt là Canada và Mexico, đã phải đưa ra khá nhiều nhượng bộ, với mong muốn duy trì khối thương mại tự do rộng lớn này.

Văn kiện Hiệp định được đính kèm trong link sau:

<https://ustr.gov/trade-agreements/free-trade-agreements/united-states-mexico-canada-agreement/agreement-between>

Đây là Hiệp định thương mại đa phương đầu tiên được Mỹ ký kết kể từ thời cầm quyền của Tổng thống Trump, với mục tiêu “Nước Mỹ trước tiên” và “đòi” lại những lợi ích cho nước này trong những Hiệp định thương mại mà ông Trump cho là “bất công với Mỹ”. Hiện tại, Hiệp định này đã được Mexico thông qua, và dự kiến sẽ hoàn tất quá trình phê chuẩn tại Mỹ và Canada trong năm 2020.



Mỹ - Nhật: Thỏa thuận thương mại song phương có hiệu lực

Ngày 7/10/2019, sau khá nhiều các đàm phán kỹ thuật, 02 thỏa thuận thương mại mới giữa Mỹ và Nhật Bản đã được ký kết, chính thức có hiệu lực từ 1/1/2020. Đây được xem là thành công bước đầu của Nhật Bản trong chiến lược chủ động đàm phán để né khỏi tầm ngắm thuế quan của Tổng thống Trump.

Theo nội dung của thỏa thuận đầu tiên về tự do hóa tiếp cận thị trường hàng hóa, Nhật Bản sẽ cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan cho một số mặt hàng nông sản Mỹ như thịt lợn, thịt bò, phô mai, rượu vang, các loại hạt, ... Với các sản phẩm nông nghiệp khác từ Mỹ, Nhật Bản sẽ áp dụng mức hạn ngạch thuế quan ưu đãi đặc biệt. Tuy nhiên, Nhật Bản sẽ được phép sử dụng (hạn chế) một số biện pháp tự vệ trong trường hợp nhập khẩu các sản phẩm thịt bò, thịt lợn, váng sữa, cam, ngựa đua từ Mỹ tăng đột biến do việc giảm thuế quan này. Những cam kết này nhằm đảm bảo cho hàng nông nghiệp của Mỹ cũng được các lợi thế tương đương như mức Nhật Bản dành cho các nước CPTPP sau khi Mỹ ra khỏi Hiệp định này.

Đổi lại, Nhà Trắng cam kết sẽ cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan cho 42 mặt hàng nông nghiệp từ Nhật trị giá 40 triệu USD năm 2018, bao gồm trà xanh, kẹo cao su, xi dầu, quả hồng, hoa cắt cành...; cùng với một số mặt hàng công nghiệp từ Nhật như xe đạp, nhạc cụ, tua-bin hơi nước...

Thỏa thuận thứ hai của Mỹ và Nhật Bản là về vấn đề thương mại điện tử với các điều khoản toàn diện và có tiêu chuẩn cao, bao gồm 6 nội dung chính: (i) Cấm áp thuế quan lên sản phẩm kỹ thuật số được truyền điện tử như video, âm nhạc, sách điện tử, phần mềm và trò chơi điện tử; (ii) Không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm kỹ thuật số, bao gồm cả các biện pháp thuế quan; (iii) Đảm bảo không có rào cản khi truyền tải dữ liệu xuyên biên giới trong tất cả lĩnh vực; (iv) Cấm yêu cầu nội địa hóa dữ liệu, bao gồm yêu cầu với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính; (v) Cấm tự ý truy cập vào mã nguồn và thuật toán máy tính; (vi) Cho phép các công ty được linh hoạt sử dụng công nghệ mã hóa sáng tạo trong các sản phẩm của họ.

Theo giới quan sát, hai thỏa thuận này là liều thuốc cần thiết để hạ nhiệt tạm thời căng thẳng thương mại mà Mỹ khởi xướng với Nhật, nước nằm trong топ đầu các đối tác mà Mỹ chịu thâm hụt thương mại lớn. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng cho rằng đây mới chỉ là những bước đi đầu tiên mà thôi. Các thỏa thuận này vẫn chưa giải quyết được hết các mâu thuẫn thương mại giữa hai bên, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến ngành ô tô, vốn là nguyên nhân chính trong thâm hụt thương mại của Mỹ với Nhật Bản. Sau hai thỏa thuận này, Mỹ đã tạm dừng ý định áp đặt thuế lên các sản phẩm ngành ô tô của Nhật, nhưng nước này vẫn tuyên bố sẽ cân nhắc các bước đi tiếp theo dựa vào kết quả đàm phán giai đoạn 2 giữa hai bên, dự kiến vào tháng 4/2020. ■



Liên minh kinh tế Á – Âu ký kết hiệp định thương mại tự do với Singapore

➔ Ngày 1/10/2019, Singapore và Liên minh kinh tế Á – Âu (EAEU) đã chính thức ký kết hiệp định thương mại tự do (EAEUSFTA) bên lề Hội nghị Hội đồng Kinh tế cấp cao Á – Âu tại Armenia sau hơn 2 năm đàm phán. Đây là thỏa thuận thương mại tự do thứ hai mà EAEU ký kết (sau Việt Nam), và là hiệp định thương mại tự do toàn diện đầu tiên của EAEU.

EAEUSFTA hoàn chỉnh bao gồm:

- (i) 01 Hiệp định khung gồm những điều khoản cơ bản bao trùm toàn bộ các Hiệp định của EAEUSFTA;
- (ii) 01 Hiệp định phi đầu tư và dịch vụ, bao gồm các cam kết về thương mại hàng hóa (trong đó có tiếp cận thị trường, phòng vệ thương mại, quy tắc xuất xứ, hợp tác hải quan và tạo thuận lợi thương mại, các biện pháp TBT và SPS), cạnh tranh, hợp tác hải quan, thương mại điện tử, môi trường, Mua sắm công và sở hữu trí tuệ;
- (iii) 05 Hiệp định đầu tư và dịch vụ giữa Singapore và 05 nước thành viên EAEU, trong đó mới chỉ có Hiệp định giữa Singapore và Armenia đã được ký kết, 04 Hiệp định còn lại vẫn đang trong quá trình đàm phán.

Theo nội dung thỏa thuận, phía EAEU sẽ xóa bỏ thuế quan ngay cho 90% hàng hóa nhập khẩu từ Singapore, và sau 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, 97% hàng hóa Singapore nhập khẩu vào EAEU sẽ được miễn thuế. Về phía Singapore, nước này cam kết xóa bỏ toàn bộ thuế quan cho hàng hóa nhập khẩu từ EAEU ngay khi Hiệp định có hiệu lực. EAEUSFTA cũng sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Singapore và EAEU qua những cam kết hợp tác về bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ đầu tư, cải thiện thủ tục hải quan và thúc đẩy thương mại điện tử. ■



Liên minh kinh tế Á – Âu (EAEU) được thành lập vào 1/1/2015, là một liên minh kinh tế và hải quan gồm 05 quốc gia thành viên bao gồm Armenia, Belarus, Kazakhstan, Kyrgyzstan và Liên bang Nga. Liên minh này đại diện cho một thị trường tiềm năng với hơn 180 triệu người tiêu dùng và tổng GDP lên tới 1.900 tỷ USD năm 2018.

Việt Nam là nền kinh tế đầu tiên có Hiệp định thương mại tự do với EAEU và là đối tác FTA duy nhất của Khối này cho đến trước Hiệp định EAEUSFTA. Kể từ khi FTA này chính thức đi vào thực hiện vào tháng 10/2016, tổng thương mại song phương giữa Việt Nam và EAEU tăng trung bình khoảng 13% mỗi năm. Năm 2018, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EAEU lên tới 4,9 tỷ USD, tăng 26,2% so với năm 2017.

Hiệp định Thương mại Tự do EU – Singapore chính thức có hiệu lực

➤ Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Singapore (EUSFTA), ký ngày 19/10/2018, đã chính thức có hiệu lực kể từ ngày 21/11/2019, sau hoàn tất các thủ tục phê chuẩn trong nội bộ hai Bên. Đây là FTA chính thức có hiệu lực đầu tiên giữa EU và một thành viên ASEAN, và là FTA thứ hai có hiệu lực giữa EU và một nước châu Á (sau Nhật Bản).

EUSFTA là một FTA thế hệ mới với những cam kết toàn diện, bao gồm nhiều lĩnh vực như cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan, thúc đẩy các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, tăng cường hợp tác hải quan, mở cửa thị trường dịch vụ và đầu tư...

Theo EUSFTA, EU sẽ xóa bỏ thuế quan cho 84% sản phẩm xuất khẩu của Singapore vào EU ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Thuế quan đối với các sản phẩm còn lại, như một số sản phẩm thịt và hải sản, sẽ được dỡ bỏ sau 3-5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Đổi lại, Singapore cam kết xóa bỏ thuế quan đối với toàn bộ các sản phẩm của EU, đồng thời sẽ loại bỏ một số rào cản phi thuế quan như công nhận tiêu chuẩn kiểm tra an toàn của EU dành cho xe ô tô và thiết bị điện tử. Singapore cũng sẽ mở cửa một số lĩnh vực dịch vụ như vận tải biển, dịch vụ môi trường hay viễn thông cho các doanh nghiệp châu Âu.

Hiện tại, EU cũng đang tích cực thúc đẩy đàm phán thỏa thuận thương mại tự do với nhiều nước thành viên ASEAN khác, bao gồm một FTA đã ký kết với Việt Nam và các FTA đang đàm phán với Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Thái Lan. Những FTA này được kỳ vọng sẽ tạo tiền đề cho một FTA EU – ASEAN trong tương lai để hình thành khu vực kinh tế lớn thứ tư toàn cầu. Bên cạnh đó, việc EUSFTA có hiệu lực cũng mở ra hy vọng rằng FTA EU – Việt Nam (EVFTA), ký ngày 30/6/2019, sẽ sớm được thông qua và thực thi trong tương lai gần. ■

EU hiện đang là đối tác thương mại lớn thứ ba của Singapore về hàng hóa và là đối tác thương mại hàng đầu về dịch vụ. Trong khi đó, Singapore xếp thứ 14 trong các đối tác của EU về thương mại hàng hóa và thứ 4 về thương mại dịch vụ.

FTA EU - Singapore hoàn tất đàm phán từ năm 2014, nhưng bị trì hoãn ký kết bởi các tranh cãi liên quan đến thẩm quyền giữa Liên minh EU với các nền kinh tế thành viên trong việc phê duyệt các FTA. Sau đó, FTA này bị tách làm 2 hiệp định nhỏ về thương mại (EUSFTA) và đầu tư (EUSIPA) để tạo thuận lợi cho quá trình xét duyệt, tương tự như EVFTA. EUSFTA đã có hiệu lực sau khi được chính phủ Singapore và Nghị viện châu Âu hoàn thành phê chuẩn, còn EUSIPA sẽ phải trải qua một bước nữa phía EU là được tất cả các nước thành viên EU phê chuẩn.

Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO tạm ngừng hoạt động

➔ Từ ngày 10/12/2019, Cơ quan phúc thẩm (Appellate Body) trực thuộc Cơ quan giải quyết tranh chấp (Dispute Settle Body – DSB), một trong những thành tố quan trọng nhất của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tạm ngừng hoạt động do không có đủ số lượng thành viên tối thiểu để tiếp tục duy trì.

Cụ thể, theo quy định của WTO, Cơ quan này có tổng cộng 07 thành viên được bổ nhiệm bởi các thành viên WTO với nhiệm kỳ 4 năm (có thể được bầu lại 1 lần), là những người có kinh nghiệm, uy tín và chuyên môn được công nhận trong lĩnh vực luật thương mại quốc tế, đồng thời không đại diện cho lợi ích của bất cứ quốc gia nào. Mỗi vụ việc do cơ quan này xét xử phúc thẩm cần sự tham gia của 03 thành viên, hoạt động theo chế độ luân phiên.

Trong suốt 2 năm qua, Mỹ đã liên tiếp bỏ phiếu từ chối bổ nhiệm các thành viên mới ở Cơ quan phúc thẩm WTO vì cho rằng cơ quan này thường xuyên vượt quá quyền hạn của mình, đưa ra các phán quyết không nhất quán, giải quyết các vụ kiện quá lâu trong khi các thành viên được nhận lương quá cao. Do trong trường hợp này WTO hoạt động theo cơ chế đồng thuận nên chỉ cần một quốc gia phản đối thì quyết định bổ nhiệm sẽ không thể thông qua.

Hệ quả là đến cuối tháng 9/2018, sau khi có 4 thành viên hết nhiệm kỳ quy định, số lượng các thành viên còn lại của cơ quan này chỉ còn 3 người. Và đến ngày 10/12/2019 thì Cơ quan này chỉ còn duy nhất 01 thành viên do 02 thành viên khác cũng đã kết thúc nhiệm kỳ. Với số lượng này, Cơ quan Phúc thẩm của WTO sẽ không đủ điều kiện để tiếp tục vận hành (theo quy định mỗi vụ việc xét xử phúc thẩm của WTO phải được thực hiện bởi hội đồng gồm 03 thành viên được lựa chọn từ các thành viên của Cơ quan phúc thẩm).



Đây là lần đầu tiên trong lịch sử WTO, Cơ quan Phúc thẩm phải dừng hoạt động vì sự phản đối của một nước thành viên. Một số phương án thay thế để giải quyết vấn đề này đã được đưa ra nhưng vẫn chưa đạt được sự đồng thuận chung khiến cho Cơ quan này tiếp tục tê liệt và ảnh hưởng tới quy trình giải quyết các vụ tranh chấp hiện tại và tương lai của WTO.

Nếu không thể tìm ra cách giải quyết vấn đề trên trong thời gian sớm, WTO sẽ đánh mất khả năng bảo vệ lợi ích của các nước thành viên trong hoạt động thương mại quốc tế trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc chung. Hệ thống thương mại toàn cầu vì thế có thể sẽ dần trở thành sân chơi cho những “kẻ mạnh”, khi không có một cơ chế nào kiểm soát được các nền kinh tế lớn, và các quốc gia nhỏ hơn sẽ dễ chịu thiệt thòi. Hơn thế nữa, thiếu đi một hệ thống độc lập và hiệu quả theo dõi việc tuân thủ các cam kết WTO sẽ dẫn tới việc các nước thành viên thiếu đi động lực đàm phán những quy định và biện pháp thương mại mới. ■

Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB) thực chất là Đại hội đồng WTO, bao gồm đại diện của tất cả các quốc gia thành viên. DSB có quyền thành lập Ban hội thẩm (Panel), thông qua các báo cáo của Ban hội thẩm và của Cơ quan phúc thẩm (Appellate Body), giám sát việc thi hành các quyết định, khuyến nghị giải quyết tranh chấp, cho phép đình chỉ thực hiện các nghĩa vụ và nhượng bộ (trả đũa). Tuy nhiên, DSB chỉ là cơ quan thông qua quyết định chứ không trực tiếp thực hiện việc xem xét giải quyết tranh chấp.

Ban hội thẩm có chức năng xem xét vấn đề tranh chấp trên cơ sở các qui định trong các Hiệp định của WTO mà Bên nguyên đơn viện dẫn như là căn cứ cho đơn kiện để giúp DSB đưa ra khuyến nghị/quyết nghị thích hợp cho các bên tranh chấp. Kết quả công việc của Ban hội thẩm là một báo cáo trình DSB thông qua, giúp DSB đưa ra các khuyến nghị đối với các Bên tranh chấp. Trên thực tế, đây là cơ quan trực tiếp giải quyết tranh chấp mặc dù không nắm quyền quyết định.

Cơ quan phúc thẩm sẽ xem xét lại các khía cạnh pháp lý và giải thích pháp luật trong Báo cáo của Ban hội thẩm nếu được yêu cầu. Kết quả làm việc của Cơ quan này là một báo cáo trong đó Cơ quan này có thể giữ nguyên, sửa đổi hoặc đảo ngược lại các kết luận trong báo cáo của Ban hội thẩm. Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm được thông qua tại DSB và không thể bị phản đối hay khiếu nại tiếp.

Theo Điều 16.4 thuộc Thỏa thuận về các Quy tắc và Thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp (DSU) - Phụ lục 2 Hiệp định Marrakesh thành lập WTO, các nước thành viên WTO sẽ không thể thông qua báo cáo của Ban hội thẩm nếu một trong các bên tham gia tranh chấp vẫn còn kháng cáo chưa giải quyết xong. Ngoài ra, các nước thành viên WTO sẽ không được áp đặt biện pháp trừng phạt trả đũa đối với thành viên WTO vi phạm cho đến khi báo cáo của Ban hội thẩm được thông qua.

Từ đó suy ra, khi Cơ quan phúc thẩm ngừng hoạt động, bất kỳ bên nào trong tranh chấp sẽ có thể chặn việc thông qua phán quyết từ Ban hội thẩm bằng cách nộp đơn kháng kiện với các chi tiết trong báo cáo. Hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO, vì thế, có thể đứng trước nguy cơ đổ vỡ.

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG HỘI NHẬP FTA VIỆT NAM NĂM 2019

2019 được ghi nhận như một năm hội nhập thành công của Việt Nam, với những tiến triển rõ rệt của hàng loạt các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) lớn. Đây là năm đầu tiên Việt Nam thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) – một FTA thế hệ mới với những tiêu chuẩn cao nhất mà Việt Nam từng tham gia. Đây cũng là năm ký kết FTA Việt Nam – EU (EVFTA) – một FTA đầy tiềm năng với một thị trường rộng lớn gồm 27 quốc gia thành viên EU. Bên cạnh đó Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) gồm 10 nước ASEAN và 6 đối tác FTA của ASEAN cũng hoàn thành sơ bộ đàm phán....

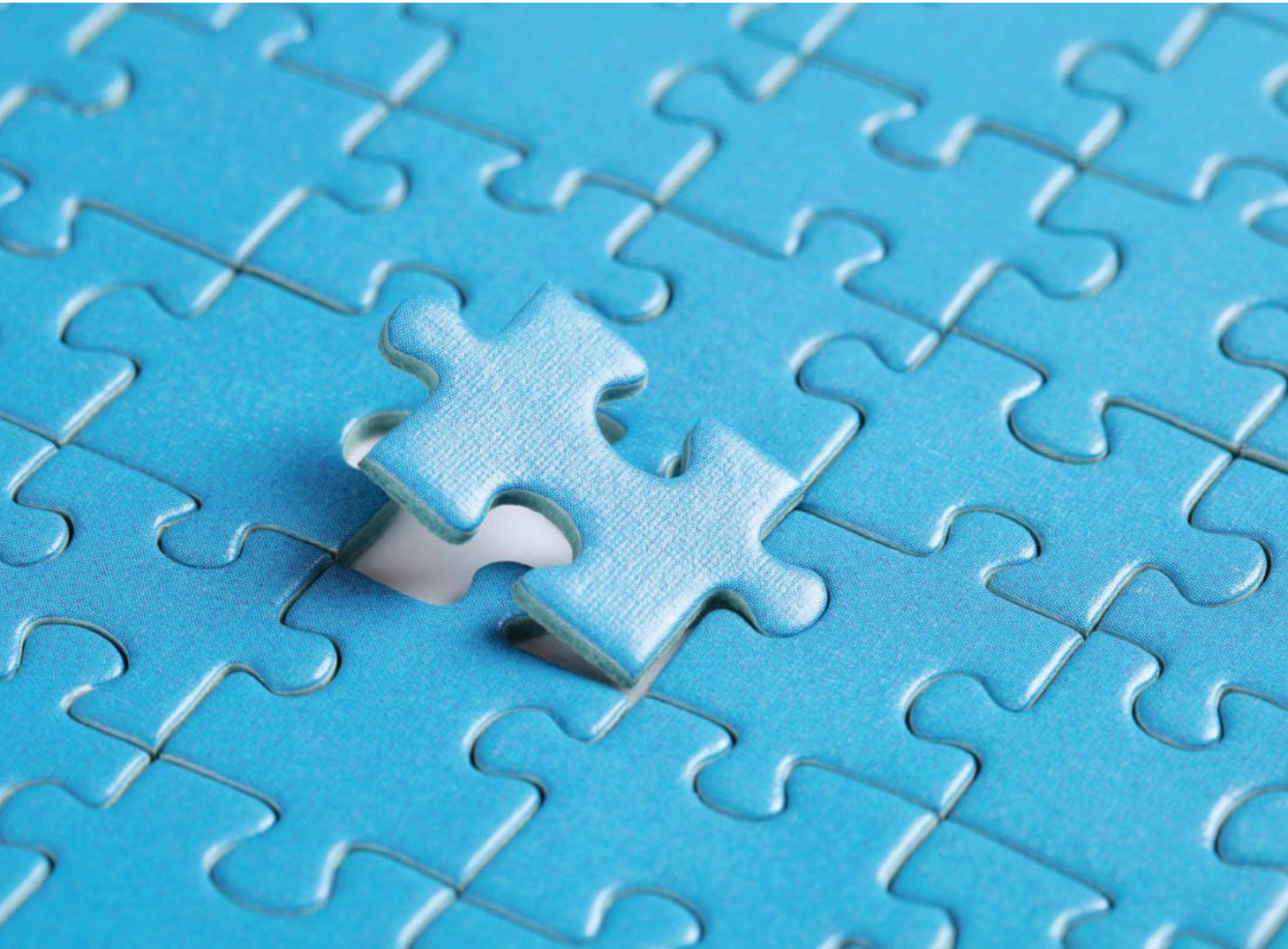
Không chỉ đạt bước tiến trên chặng đường hội nhập, quá trình tận dụng cơ hội từ hội nhập để phát triển kinh tế cũng gặp nhiều khởi sắc. Minh chứng là năm 2019 đánh dấu kỷ lục mới trong xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với con số ấn tượng 514 tỷ USD tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, trong đó xuất siêu lên tới 11 tỷ USD. Đây là năm thứ tư liên tiếp Việt Nam xuất siêu với giá trị lớn nhất so với các năm trước đó.

Cuộc hành trình của con tàu hội nhập đang đi tới vùng sáng, mang theo nhiều kỳ vọng của chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, cùng với những vầng quang hy vọng này, vẫn đâu đó lo lắng về những rủi ro còn ẩn giấu, những việc cần phải làm, những thứ cần chuẩn bị, để giúp con tàu vững vàng hơn trong chặng đường tới.

Chuyên đề này sẽ nhìn lại một năm hội nhập đầy dấu ấn của Việt Nam. Bằng cách tóm tắt và tổng kết lại tình hình đàm phán, ký kết và thực thi một số FTA quan trọng của Việt Nam trong năm 2019, Chuyên đề sẽ giúp xây dựng một bức tranh tổng thể về hội nhập với cả những mảng sáng và điểm tối để giúp chúng ta có những định hướng cần thiết cho tiến trình hội nhập trong thời gian sắp tới.



Tổng quan tình hình hội nhập của Việt Nam trong năm 2019



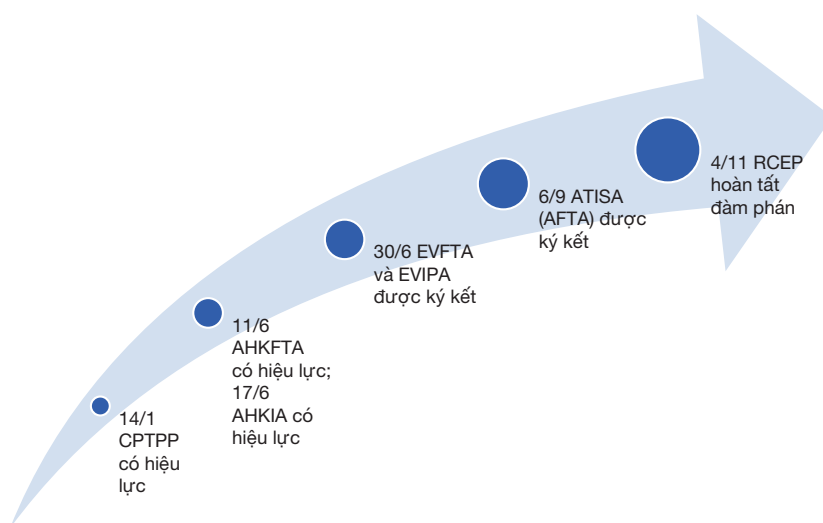
➤ Tích cực thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương luôn là mục tiêu chính trong kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta những năm gần đây. Tính đến hết năm 2019, Việt Nam đã tham gia tổng cộng 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 12 FTA đã có hiệu lực, 01 FTA đã ký kết và chờ phê chuẩn, và 03 FTA đang đàm phán (xem bảng). Những FTA này đã giúp Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có độ mở lớn trên thế giới, thiết lập cơ chế thương mại ưu tiên với 60 nền kinh tế trong số 230 thị trường mà Việt Nam có quan hệ thương mại. Từ góc độ xuất nhập khẩu, các FTA này là cơ hội quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam có ưu thế cạnh tranh ở các thị trường đối tác và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến 1/1/2020

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTA đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA-AHKIA	Có hiệu lực từ 2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực			
13	EVFTA-EVIPA	Ký ngày 30/6/2019	Việt Nam, EU (28 thành viên)
FTA đang đàm phán hoặc đã hoàn tất đàm phán nhưng chưa ký kết			
14	RCEP	Hoàn tất đàm phán vào tháng 11/2019	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia, New Zealand
15	VN – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, EFTA (Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein)
16	VN – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Năm 2019 còn là một năm đặc biệt khi chứng kiến những FTA lớn nhất mà Việt Nam từng tham gia đạt những tiến triển quan trọng, đó là CPTPP bắt đầu thực thi, EVFTA chính thức ký kết, và RCEP hoàn tất đàm phán. Các Hiệp định này không chỉ đem đến các cơ hội lớn về mở rộng thị trường và thu hút đầu tư, mà còn hứa hẹn những thay đổi đáng kể trong nhiều lĩnh vực khác như mua sắm công, thủ tục hải quan, môi trường, lao động... Chưa bao giờ chân trời hội nhập lại rộng mở đến vậy cho các doanh nghiệp và cả nền kinh tế Việt Nam.

Tổng kết tiến triển các FTAs của Việt Nam năm 2019



Dưới đây là tóm tắt tình hình đàm phán, ký kết và thực thi một số FTA trong năm 2019 của Việt Nam.

CPTPP – Chưa có nhiều thay đổi sau một năm thực hiện

➤ Bức tranh hội nhập 2019 của Việt Nam mở đầu bằng một sự kiện đã được chờ mong từ rất lâu, đó là Hiệp định lớn nhất, tiêu chuẩn cao nhất của Việt Nam tới hiện tại – CPTPP có chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019. Mặc dù đã có thời gian chuẩn bị cho việc thực thi từ rất lâu trước đó, nhưng khi Hiệp định này có hiệu lực, cả Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam dường như vẫn chưa sẵn sàng cho việc thực hiện một cách hiệu quả.

Cụ thể, *từ phía các cơ quan Nhà nước*, CPTPP là FTA đầu tiên của Việt Nam mà Chính phủ phải xây dựng một bản Kế hoạch thực hiện tổng thể ban hành chỉ 10 ngày sau khi Hiệp định có hiệu lực để chỉ đạo các bộ ban ngành liên quan từ trung ương đến địa phương thực thi một cách thống nhất. Dù tích cực là vậy, các hành động triển khai qua một năm nhìn lại vẫn chưa được nhanh chóng và hiệu quả, nếu không nói là còn quá chậm chạp.



Tính đến hết năm 2019, trong số các văn bản thực thi các cam kết có hiệu lực ngay (tức là từ ngày 14/1/2019) với Việt Nam, mới chỉ có 08 văn bản pháp luật thực thi CPTPP được ban hành, 01 văn bản chuẩn bị ban hành (xem bảng). Xét trong bối cảnh soạn thảo thông thường, tốc độ soạn thảo và ban hành các văn bản này có thể xem là rất nhanh. Nhưng nếu so với yêu cầu của cam kết, tất cả các văn bản này đều là chậm, chưa đúng cam kết. Đáng chú ý là trong số 08 văn bản này, đa phần được ban hành vào nửa cuối năm 2019 (tức là chậm từ vài tháng tới nửa năm so với cam kết). Và mặc dù đã có quy định về việc áp dụng hồi tố, sự chậm trễ này thực tế đã dẫn đến tình trạng trong nửa năm đầu tiên CPTPP có hiệu lực, doanh nghiệp vẫn hoang mang không biết nên tận dụng lợi ích từ Hiệp định này ra sao. Đây cũng có thể là lý do khiến cho không nhiều các lợi ích kỳ vọng từ CPTPP được hiện thực hóa trong năm đầu tiên của Hiệp định này.

Liên quan tới các hoạt động thực thi khác ngoài chuyện ban hành văn bản nội luật hóa, theo yêu cầu của Thủ tướng tại Quyết định số 121/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện CPTPP thì đến ngày 01/03/2019, các bộ ngành, địa phương (cấp tỉnh) phải hoàn tất việc xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị mình. Tuy nhiên, thời hạn này liên tục bị trì hoãn. Theo thông tin từ Bộ Công Thương, đến tận ngày 30/08/2019 thì mới có gần đầy đủ 27/28 bộ, ngành, cơ quan cấp trung ương và 62/63 địa phương hoàn thành công việc này. Có thể mừng tượng được các hành động cụ thể để thực thi các kế hoạch này trên thực tế còn chậm hơn nữa.



Các văn bản pháp luật thực thi CPTPP tính đến hết năm 2019

Đã ban hành

- Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cùng các văn kiện liên quan ban hành ngày 12/11/2018
- Thông tư số 03/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương ban hành ngày 22/01/2019
- Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ban hành ngày 19/04/2019
- Luật số 42/2019/QH14 của Quốc hội sửa đổi Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Luật Sở hữu Trí tuệ ban hành ngày 14/06/2019
- Nghị định số 57/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 – 2022 ban hành ngày 26/06/2019
- Thông tư số 62/2019/TT-BTC của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành ngày 05/09/2019
- Thông tư số 19/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ban hành ngày 30/09/2019
- Thông tư số 32/2019/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 4 và Phụ lục số 01-MP Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm ban hành ngày 16/12/2019

Chuẩn bị ban hành

- Nghị định hướng dẫn riêng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Một số văn bản điều hành khác:

- Quyết định số 121/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP ngày 24/1/2019
- Quyết định số 734/QĐ-TTg của Thủ tướng về Chỉ định các cơ quan đầu mối để triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP ban hành ngày 14/6/2019
- Công văn số 4993/TCHQ-GSQL của Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc khai báo và tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP ban hành ngày 05/08/2019



Từ phía doanh nghiệp, có lẽ việc CPTPP đi vào thực thi vừa là tin mừng, nhưng cũng là nỗi lo. Mừng vì có thêm cơ hội cả về thị trường lẫn môi trường kinh doanh, nhưng cũng lo vì cơ hội có thể chỉ là cơ hội, trong khi thách thức cạnh tranh từ các đối thủ CPTPP mạnh lại có thể là rất hiện thực.

Xét tổng thể sau một năm thực hiện CPTPP, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên Hiệp định đã có những thay đổi theo chiều hướng gia tăng nhưng không thực sự rõ ràng (xem bảng). Điều này cũng dễ hiểu bởi thương mại giữa Việt Nam với các nước chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố ngoài CPTPP như biến động trong nhu cầu và chính sách của các thị trường, việc tiếp tục cắt giảm thuế quan theo các FTA riêng của Việt Nam với một số đối tác CPTPP hay tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Tuy nhiên, bước đầu có thể khẳng định với các thị trường CPTPP, đặc biệt là các thị trường mới có FTA, việc thực thi CPTPP là một nhân tố quan trọng giúp cải thiện trao đổi thương mại giữa Việt Nam với khu vực này.

Các số liệu cũng cho thấy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực CPTPP cao hơn hẳn so với tăng trưởng nhập khẩu. Lạc quan mà nói, điều này có thể là dấu hiệu cho thấy các doanh nghiệp Việt và các nhà nhập khẩu ở các nước CPTPP đã tận dụng CPTPP. Mặc dù vậy, thực tế này cũng có thể xuất phát một phần từ sự chậm trễ trong việc ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu ưu đãi từ các nước CPTPP. Thiếu các quy định như vậy, các nhà xuất khẩu CPTPP cũng như các doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam thiếu những căn cứ pháp lý cần thiết để tăng cường nhập khẩu tận dụng ưu đãi thuế quan.

Đối với các nước đối tác đã thông qua CPTPP (Australia, Canada, Mexico, New Zealand, Nhật Bản, Singapore)

Canada và Mexico, hai thị trường chưa có FTA nào khác với Việt Nam ngoài CPTPP, có tỷ lệ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam trong CPTPP, lần lượt là 28,2% và 26,8% năm 2019. So với tốc độ tăng trưởng trung bình của những năm trước đó, đây là kết quả rất đáng khích lệ. Ví dụ, với Canada, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2010-2018 chỉ đạt 18%/năm; đặc biệt, so với tốc độ tăng trưởng 11% năm 2018 thì tốc độ tăng trưởng 28% của 2019 cao gần gấp 3 lần. Điều này cho thấy CPTPP đã có tác dụng nhất định giúp các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường khai thác cơ hội xuất khẩu ở hai thị trường này. Mặc dù vậy, tốc độ tăng trưởng này chưa phải là đột biến, và có thể chỉ nhìn hơn so với tăng trưởng tự nhiên chút ít. Ví dụ với Canada, trong các năm 2013-2014, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này đã từng đạt mức tăng trưởng lần lượt là 32,7% và 35%/năm; và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu năm 2018 (11%) cao gấp hơn 5 lần so với tốc độ tăng trưởng 2017 (2%).

Các thị trường còn lại, ngoại trừ Australia sụt giảm, còn lại đều có sự gia tăng xuất khẩu so với năm 2018 nhưng không đáng kể và tốc độ tăng thậm chí thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước đó. Ví dụ Nhật Bản, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu 7,7% năm 2019 thấp hơn mức 8,6% của trung bình giai đoạn 2011-2018 và đã giảm tốc dần so với mức 14,9% năm 2017 và 11,7% năm 2018.

Ở chiều nhập khẩu, tác động của CPTPP không thật rõ ràng khi có tới một nửa số nước có kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam không tăng mà lại giảm, trái ngược so với dự đoán ban đầu. Đặc biệt, nhập khẩu từ Mexico sụt giảm tới 43,2% so với

2018. Còn đối với ba nước có kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam tăng, đáng chú ý có Australia với tỷ lệ tăng trưởng lên tới 21,5%.

Đối với các nước đối tác chưa thông qua CPTPP (Brunei, Chile, Malaysia, Peru)

Mặc dù CPTPP chưa có hiệu lực với Brunei, Chile, Malaysia, Peru này nhưng theo dự đoán, hiệu ứng tâm lý có thể tác động tích cực nhất định tới việc gia tăng thương mại giữa Việt Nam với các nước này ở cả hai chiều xuất và nhập khẩu.

Thực tế cho thấy, thương mại với thị trường Brunei có sự tăng trưởng đột biến lần lượt là 260,4% đối với xuất khẩu và 397,3% đối với nhập khẩu, dù nước này đã có 6 FTA chung trước đó với Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN.

Trong khi đó, thị trường Malaysia lại bị sụt giảm nhẹ cả kim ngạch xuất khẩu (giảm 7,1%) và nhập khẩu (giảm 3,3%).

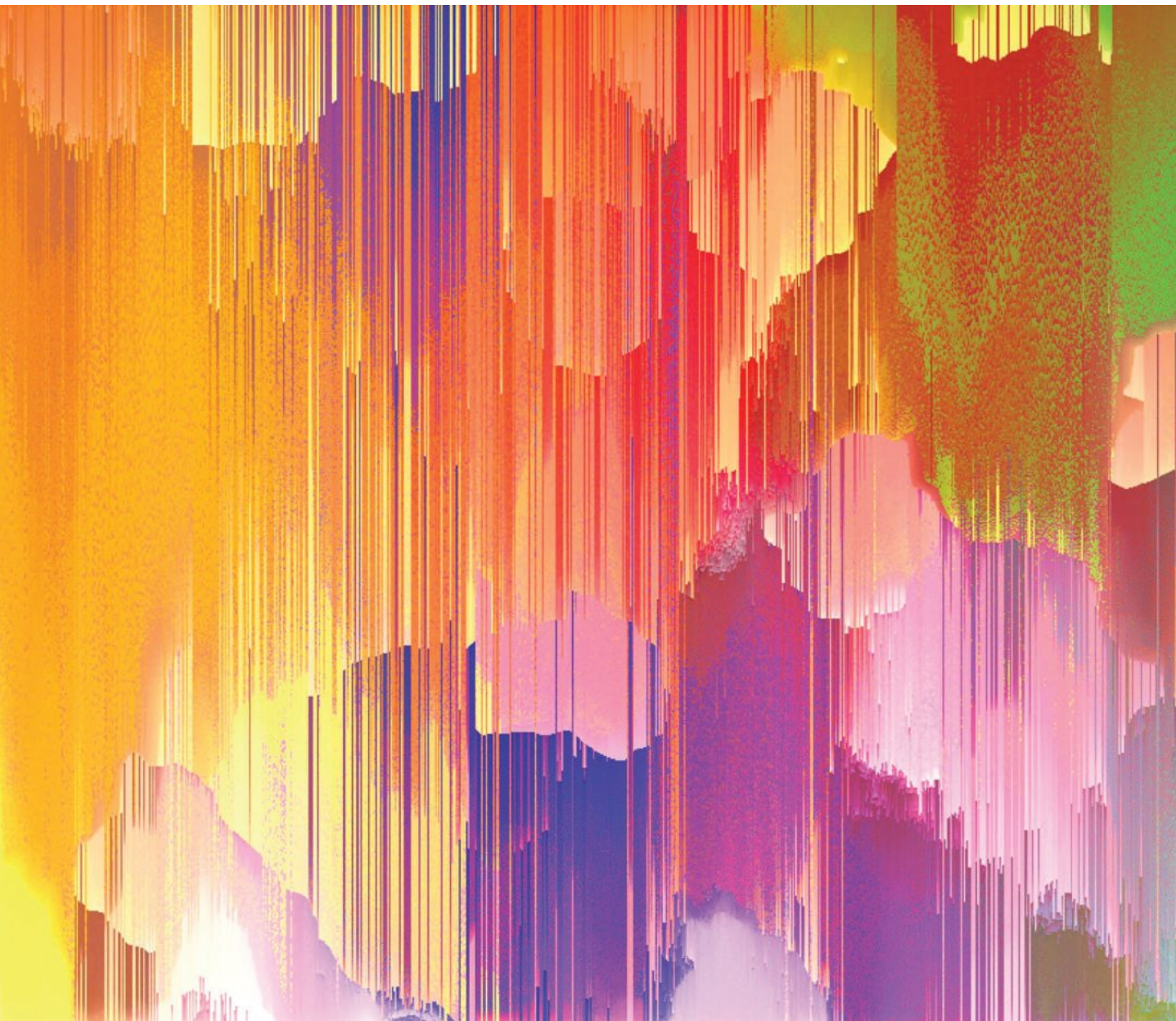
Hai quốc gia châu Mỹ còn lại là Chi-lê và Peru thì đều có tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu đáng kể (lần lượt tăng là 20,5% và 39,8%), nhưng giảm nhẹ về nhập khẩu (lần lượt giảm là 4,2% và 3,0%) so với năm 2018. Trong khi tăng trưởng xuất khẩu vào Peru suy đoán phần nhiều được hưởng lợi từ yếu tố tâm lý và nhận thức về các thị trường CPTPP thì với thị trường Chi-lê, kết quả có thể xuất phát một phần lớn từ việc hai bên đang tiếp tục thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo FTA song phương có hiệu lực từ 2014.

Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước CPTPP trong năm 2019, so sánh với năm 2018

Tên nước	Xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ lệ tăng trưởng so với 2018 (%)	Nhập khẩu (triệu USD)	Tỷ lệ tăng trưởng so với 2018 (%)
Những nước đã thông qua CPTPP				
Australia	3.523,5	-11,2	4.557,8	21,5
Canada	3.863,6	28,2	840,7	-1,9
Mexico	2.839,6	26,8	639,1	-43,2
New Zealand	553,3	9,7	556,1	4,5
Nhật Bản	20.287	7,7	19.617,4	3,0
Singapore	3.231,4	1,1	4.104,4	-9,3
Những nước chưa thông qua CPTPP				
Brunei	66,6	260,4	182,4	397,3
Chi-lê	942,2	20,5	294	-4,2
Malaysia	3.776,2	-7,1	7.201,7	-3,3
Peru	349,8	39,8	81,1	-3,0

Nguồn: Bộ Công Thương

Như vậy, có thể nói sau một năm thực hiện, CPTPP vẫn chưa tạo ra nhiều tác động đối với tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng cũng như tiến trình cải cách thể chế nói chung. Trong số rất nhiều nguyên nhân, không thể không kể đến sự chậm trễ trong việc ban hành các quy định pháp luật thực thi CPTPP cũng như sự thiếu chủ động của nhiều doanh nghiệp trong việc tìm hiểu nội dung và cách thức tận dụng Hiệp định này. Hy vọng sang năm 2020, cả các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp sẽ đồng hành, với những hành động kịp thời và tích cực hơn, để không bỏ lỡ những cơ hội kỳ vọng từ Hiệp định này.





AHKFTA, AHKIPA – Có hiệu lực trong lặng lẽ

➤ Sau một năm rưỡi chờ đợi kể từ khi được ký kết, cuối cùng thì hai Hiệp định Thương mại Tự do (AHKFTA) và Hiệp định Đầu tư song phương (AHKIA) giữa ASEAN và Hồng Kông (Trung Quốc) cũng chính thức có hiệu lực. Cụ thể, AHKFTA có hiệu lực từ 11/6/2019, và AHKIA có hiệu lực từ 17/6/2019 tại 6 nước thành viên đã thông qua hai Hiệp định này là Hồng Kông, Lào, Myanmar, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Đối với những nước thành viên ASEAN còn lại, thời gian hai Hiệp định có hiệu lực sẽ được công bố ngay khi chính thức hoàn tất quá trình phê chuẩn.

AHKFTA và AHKIA được ASEAN và Hồng Kông ký kết vào ngày 12/11/2017 với mục tiêu thúc đẩy hợp tác kinh tế, giảm bớt hàng rào thuế quan và gia tăng đầu tư giữa ASEAN và Hồng Kông, đặc biệt là tận dụng vị thế trung tâm trung chuyển hàng hóa và dịch vụ lớn của khu vực và trên thế giới của Hồng Kông. Bên cạnh những lợi ích đem lại từ các cam kết mở cửa, hai Hiệp định này còn củng cố thêm vai trò của Hồng Kông như là cầu nối tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại và đầu tư giữa doanh nghiệp Trung Quốc và ASEAN, trong đó có Việt Nam.



Về thương mại hàng hóa, trong AHKFTA, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 75% dòng thuế theo lộ trình 10 năm, và xóa bỏ thuế quan thêm 10% dòng thuế theo lộ trình 14 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Đối lại, phía Hồng Kông cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế quan cho 100% dòng thuế ngay khi AHKFTA có hiệu lực. Ngoài ra, AHKFTA và AHKIA cũng có các quy định về giảm bớt rào cản thương mại dịch vụ và tăng cường bảo hộ đầu tư.

Dù Hiệp định đã có hiệu lực được hơn nửa năm, nhưng mãi đến 05/01/2020, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện AHKFTA giai đoạn 2019 - 2020 – căn cứ hỗ trợ doanh nghiệp hưởng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định mới được ban hành, dù Dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến từ cuối năm 2018. Thêm vào đó, thông tin truyền thông về việc Hiệp định này có hiệu lực cũng rất hiếm hoi, chỉ xuất hiện qua một vài bài báo, dẫn đến việc phần lớn doanh nghiệp không biết rằng AHKFTA đã được thực thi, từ đó bỏ lỡ khoảng thời gian đầu tiên tận dụng sớm các cơ hội từ Hiệp định.

Danh mục các Chương của AHKFTA

- Chương 1: Thành lập Khu vực Thương mại tự do, Mục tiêu, Định nghĩa chung và Diễn giải
- Chương 2: Thương mại Hàng hóa, kèm theo Phụ lục về các Biểu cam kết cắt giảm thuế quan
- Chương 3: Quy tắc xuất xứ
- Chương 4: Thủ tục Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại
- Chương 5: Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
- Chương 6: Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Kỹ thuật và Quy trình đánh giá sự phù hợp
- Chương 7: Phòng vệ Thương mại
- Chương 8: Thương mại Dịch vụ
- Chương 9: Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật
- Chương 10: Sở hữu Trí tuệ
- Chương 11: Các ngoại lệ và Điều khoản chung
- Chương 12: Các điều khoản thể chế
- Chương 13: Tham vấn và Giải quyết tranh chấp
- Chương 14: Các điều khoản cuối cùng

Chi tiết nội dung Hiệp định AHKFTA và AHKIA cùng những thông tin liên quan có thể xem tại: <http://www.trungtamwto.vn/fta/186-asean--hong-kong/1>

EVFTA và EVIPA - Cuối cùng đã được ký kết

➔ Sau hơn ba năm dài chờ đợi kể từ khi hoàn tất văn kiện, cuối cùng thì Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) và bảo hộ đầu tư (EVIPA, tách ra từ EVFTA) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đã được ký kết vào ngày 30/6/2019. Đây là một FTA thế hệ mới với những cam kết tiến bộ, được kỳ vọng sẽ đem lại nhiều cơ hội và củng cố quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU - một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới hiện tại.

Theo EVFTA, Việt Nam sẽ xóa bỏ 65% thuế nhập khẩu đối với hàng xuất khẩu EU sang Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các dòng thuế còn lại sẽ được xóa bỏ dần trong thời gian tối đa là 10 năm. EVFTA cũng sẽ giúp mở cửa đáng kể thị trường dịch vụ của Việt Nam cho các công ty của EU. Cụ thể, Việt Nam cam kết mở cửa hơn so với WTO cho EU trong nhiều lĩnh vực bao gồm một số dịch vụ kinh doanh, chăm sóc sức khỏe, môi trường, giáo dục, phân phối, viễn thông, bảo hiểm... Ngoài ra, các công ty của EU cũng sẽ được hưởng nhiều lợi ích từ các cam kết khác của Việt Nam như các cam kết cắt giảm một số hàng rào phi thuế quan trong ngành ô tô, cam kết về bảo hộ chỉ dẫn địa lý tự động cho 169 sản phẩm thực phẩm và đồ uống của EU, cam kết về mở cửa thị trường mua sắm công...



Đổi lại, EU cam kết xóa bỏ 71% thuế nhập khẩu với hàng hóa từ Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các dòng thuế còn lại sẽ được cắt giảm dần theo lộ trình tối đa là 7 năm, và áp dụng hạn ngạch thuế quan với một số ít hàng hóa đặc biệt. EU cũng cam kết bảo hộ chỉ dẫn địa lý tự động cho 39 sản phẩm của Việt Nam. Bên cạnh đó, Hiệp định có nhiều nội dung về tạo thuận lợi thương mại hai bên như các cam kết về hải quan và thuận lợi hóa thương mại, về công nhận tương đương giữa Việt Nam và EU đối với các biện pháp SPS, cam kết TBT về ghi nhãn hàng hóa... Những cam kết về các biện pháp phi thuế quan này sẽ giúp tạo thuận lợi hơn cho hàng hóa của Việt Nam tiếp cận thị trường EU.

Ngày 12/2/2020, trong khuôn khổ chương trình nghị sự, Nghị viện châu Âu đã chính thức thông qua EVFTA và EVIPA. Trong tiến trình phê chuẩn 2 Hiệp định này, về thủ tục nội bộ của EU, sau khi được Nghị viện châu Âu phê chuẩn, Hiệp định EVFTA cần được Hội đồng châu Âu phê duyệt để có hiệu lực. Về phía Việt Nam, sau khi được Quốc hội Việt Nam thông qua, EVFTA sẽ ngay lập tức có hiệu lực. Còn Hiệp định EVIPA phải được sự phê chuẩn của cả Nghị viện châu Âu và Nghị viện của tất cả 27 nước thành viên EU (sau khi Vương quốc Anh hoàn tất Brexit) mới có hiệu lực. Với quy trình này, dự kiến EVFTA có thể có hiệu lực sớm hơn EVIPA. Theo tiền lệ của Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện Việt Nam – EU (PCA) thì quá trình phê chuẩn ở các nước thành viên này mất tới 3 năm. Với EVIPA, một hiệp định với nội dung phức tạp và các cam kết chi tiết hơn nhiều so với PCA, quá trình này có thể còn lâu hơn.

Chương trình nghị sự của Nghị viện châu Âu về EVFTA và EVIPA

- Ngày 16/10/2019, Nghị viện châu Âu công bố Dự thảo các khuyến nghị về EVFTA và EVIPA
- Ngày 2-3/12/2019: Ủy ban Thương mại Quốc tế (INTA) tranh luận về các đề xuất sửa đổi cho Dự thảo khuyến nghị
- Ngày 20-21/1/2019: INTA bỏ phiếu cho các khuyến nghị
- Tháng 2/2020: bỏ phiếu tại phiên họp toàn thể của Nghị viện phê chuẩn EVFTA và EVIPA



Về phía Việt Nam, Chính phủ cũng đang thực hiện các thủ tục cần thiết để Hiệp định sớm được đưa lên Quốc hội phê chuẩn. Tuy nhiên do kỳ họp gần nhất của Quốc hội là vào tháng 5/2020 nên việc bỏ phiếu phê chuẩn Hiệp định này của Việt Nam sẽ khó có thể sớm hơn thời điểm này.

Theo quy định tại Hiệp định, sau khi cơ quan có thẩm quyền hai Bên bỏ phiếu thuận phê chuẩn Hiệp định, EVFTA sẽ có hiệu lực sau 01 tháng kể từ thời điểm cả EU và Việt Nam thông báo cho nhau về việc hoàn tất các thủ tục phê chuẩn.

Các doanh nghiệp Việt Nam đang rất mong chờ Hiệp định có hiệu lực để mở thêm những cơ hội mới cho chúng ta tại thị trường rộng lớn tiềm năng này. Tuy nhiên, để có thể tận dụng được các lợi ích của Hiệp định thì việc cần thiết bây giờ là các doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ nội dung Hiệp định và có các bước chuẩn bị cần thiết. Nếu không, những cơ hội sẽ mãi chỉ là cơ hội tiềm năng.

ATISA – Bước tiến mới trong hội nhập dịch vụ ASEAN

➤ Hiệp định Thương mại Dịch vụ ASEAN (ATISA) có tiền thân là Hiệp định khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS) được các nước ASEAN hoàn tất đàm phán vào tháng 11/2018. Mục tiêu của ATISA là nhằm nâng cấp AFAS để tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động thương mại dịch vụ trong khu vực ASEAN. AFAS được ký kết từ năm 1995, do đó nhiều nội dung đã không còn phù hợp hoặc cần bổ sung mới để điều chỉnh hiệu quả hơn nữa hoạt động thương mại dịch vụ trong khu vực.

Trong khuôn khổ Hội nghị hẹp các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 25 tại Thái Lan vào tháng 4/2019, 07 nước thành viên ASEAN đã ký kết Hiệp định ATISA. Sau đó, Hiệp định tiếp tục được ký bởi Myanmar và Việt Nam lần lượt vào tháng 8 và tháng 9/2019. Nước thành viên ASEAN còn lại sẽ tiến hành ký kết Hiệp định khi hoàn tất quá trình rà soát nội bộ. ATISA sẽ chính thức có hiệu lực với mỗi nước sau 180 ngày kể từ ngày ký kết Hiệp định của nước đó.



Về cơ bản, ATISA được xây dựng trên cơ sở nâng cấp các nguyên tắc cơ bản trong AFAS. Mục tiêu của ATISA là cắt giảm hơn nữa các rào cản “đằng sau đường biên giới” đối với thương mại dịch vụ, tạo ra một môi trường ổn định và dễ dự đoán hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ trong khu vực, và làm tiền đề cho việc tiếp tục đàm phán tự do hóa thương mại dịch vụ giữa các nước ASEAN trong tương lai. Do đó, bên cạnh việc cải tiến những nghĩa vụ cốt lõi như Tiếp cận thị trường, Đối xử quốc gia và Đối xử tối huệ quốc, Hiệp định này còn bao gồm các nghĩa vụ về Quản lý cấp cao, Hội đồng quản trị và Hiện diện tại địa phương, đồng thời tăng cường các nghĩa vụ về pháp luật nội địa và tính minh bạch. Bên cạnh các nguyên tắc chung áp dụng cho tất cả các ngành dịch vụ, ATISA còn bao gồm các Phụ lục về dịch vụ Tài chính, Viễn thông, và Vận tải hàng không trong đó thiết lập các quy tắc riêng áp dụng đối với các dịch vụ này.

Về mở cửa các thị trường dịch vụ, ATISA áp dụng phương pháp cam kết “chọn – bỏ” (lĩnh vực nào bảo lưu thì liệt kê bảo lưu còn lại là mở) thay vì “chọn – cho” (lĩnh vực nào mở thì liệt kê ra còn lại là chưa cam kết) như trong AFAS. Theo đó, mỗi nước ASEAN sẽ đưa ra một Danh mục các biện pháp không tương thích liệt kê các lĩnh vực và biện pháp bảo lưu không tuân thủ một hoặc một số các nguyên tắc cơ bản của ATISA. Hiện tại Danh mục này chưa được công bố nhưng dự đoán mức độ mở cửa dịch vụ của các nước sẽ cao hơn Gói cam kết mở cửa dịch vụ thứ 10 của mỗi nước trong AFAS.

Năm 2018, tổng giá trị thương mại dịch vụ của ASEAN đạt 778,6 tỷ USD, chiếm 50,1% tổng GDP toàn khu vực. Trong đó, giá trị thương mại dịch vụ nội khối đạt 122,1 tỷ USD. ATISA được coi như là bước đi mới trong tiến trình hội nhập kinh tế của ASEAN. Hiệp định này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy thương mại dịch vụ nội khối và nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp xuất khẩu dịch vụ ASEAN, bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam.

RCEP – Niềm vui chưa trọn vẹn

➔ Ngày 4/11/2019 trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao ASEAN+3 tại Thái Lan, lãnh đạo các nước thành viên Hiệp định Đối tác Toàn diện Khu vực (RCEP) đã tuyên bố chính thức hoàn tất đàm phán cơ bản toàn bộ 20 Chương Văn kiện RCEP cùng các vấn đề mở cửa thị trường liên quan. Dự kiến Hiệp định sẽ được ký kết vào năm 2020 sau khi hoàn thành quá trình rà soát pháp lý. Đây có thể coi là một bước tiến đột phá trong đàm phán Hiệp định này, vốn đã kéo dài 7 năm nay (bắt đầu đàm phán từ tháng 12/2012).

Tuy nhiên, niềm vui đã không được trọn vẹn khi Ấn Độ, một thành viên đàm phán lớn của RCEP, có thể sẽ rút khỏi Hiệp định. Lý do được đưa ra là *“hình thức hiện tại của RCEP không phản ánh đầy đủ tinh thần cơ bản và các nguyên tắc hướng dẫn đã được nhất trí trước đó. Nó không giúp giải quyết thích đáng các mối lo ngại và các vấn đề đang tồn tại của Ấn Độ”* – theo phát biểu của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 35 tại Thái Lan ngày 4/11/2019. Hiện Ấn Độ vẫn chưa chính thức thực hiện các bước đi pháp lý cụ thể nào để rút khỏi RCEP, tuy vậy đây rõ ràng là một dấu hiệu không mấy lạc quan cho tương lai của một RCEP đầy đủ các thành viên.

Không chỉ trong đàm phán RCEP, trong WTO và các thỏa thuận thương mại khác, Ấn Độ vẫn luôn là quốc gia khá dè dặt trong vấn đề mở cửa thị trường. Riêng đối với các thành viên RCEP, Ấn Độ đang bị thâm hụt thương mại lớn, khoảng 105 tỷ USD năm 2018, đặc biệt là với Trung Quốc – thâm hụt lên tới 54 tỷ USD. Do đó, xuyên suốt quá trình đàm phán RCEP, những khía cạnh mà Ấn Độ hầu như khó đạt được đồng thuận với các thành viên RCEP chủ yếu liên quan đến vấn đề cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa.

Theo nhiều nguồn tin, Ấn Độ muốn tiếp tục duy trì thuế quan cao đối với một số mặt hàng nông sản và áp dụng lộ trình cắt giảm thuế quan dài đối với một số mặt hàng khác nhưng không được các thành viên khác chấp thuận. Trong khi đó, ở trong nước làn sóng phản đối RCEP và tự do hóa thương mại, từ quốc hội đến các tổ chức nông dân, tiếp tục gia tăng. Đây có thể là lý do khiến các nhà lãnh đạo Ấn Độ thể hiện ý định để nước này rời khỏi RCEP.

Mặc dù vậy các nước thành viên RCEP còn lại vẫn để mở mọi khả năng cho Ấn Độ trong RCEP. Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo RCEP ngày 4/11 nhấn mạnh *“Ấn Độ vẫn còn những vấn đề đáng kể chưa thể giải quyết. Tất cả các thành viên RCEP sẽ hợp tác để giải quyết các vấn đề còn tồn tại này theo cách thỏa đáng lẫn nhau. Quyết định cuối cùng của Ấn Độ sẽ phụ thuộc vào mức độ giải quyết thỏa đáng này”*.

Nếu không còn Ấn Độ, lợi ích của Việt Nam trong Hiệp định RCEP sẽ giảm đi đáng kể do đây là một thị trường lớn gần 1,4 tỷ dân với tổng GDP hơn 2,7 nghìn tỷ USD (năm 2018). Tuy nhiên, Việt Nam cũng đã có FTA với Ấn Độ trong khuôn khổ FTA ASEAN - Ấn Độ trong đó nước này đã cắt giảm thuế quan đáng kể cho hàng hóa của Việt Nam. Trong khi đó RCEP là một hiệp định lớn và toàn diện với mục tiêu hợp nhất các FTA đã có của ASEAN với các đối tác FTA và hài hòa hóa các quy định về hải quan, xuất xứ... tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho thương mại giữa

ASEAN và các nước đối tác này. Khác với nhiều FTA trước đây, chuỗi sản xuất từ nguyên phụ liệu tới máy móc thiết bị của nhiều sản phẩm chủ đạo của Việt Nam (như dệt may, giày dép, điện tử...) nằm trọn trong khu vực RCEP (kể cả có Ấn Độ hay không có Ấn Độ), do đó nếu Hiệp định này được thực thi, Việt Nam có thể tận dụng tốt hơn nhiều các lợi ích thuế quan so với các FTA đã từng có do khả năng thỏa mãn các điều kiện xuất xứ vượt trội hơn hẳn.

Trên bình diện quốc tế, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng ở nhiều nơi, việc hoàn tất đàm phán một hiệp định thương mại khu vực lớn như RCEP đã thắp thêm một tia lửa sáng cho thương mại toàn cầu. Đối với riêng khu vực ASEAN, sự kiện này càng khẳng định thêm quyết tâm hội nhập và mở cửa thương mại và đầu tư của các nước thành viên. Nếu RCEP được ký kết và thực thi sẽ tạo điều kiện mở rộng chuỗi cung ứng, đem lại thêm nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ), người lao động, và người tiêu dùng trong khu vực.



Danh mục các Chương của RCEP

- Chương 1: Các điều khoản và định nghĩa chung
- Chương 2: Thương mại Hàng hoá
- Chương 3: Quy tắc Xuất xứ, bao gồm Phụ lục về Quy tắc hàng hoá cụ thể
- Chương 4: Thủ tục Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại
- Chương 5: Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
- Chương 6: Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự hài hoà
- Chương 7: Phòng vệ Thương mại
- Chương 8: Thương mại Dịch vụ, bao gồm Phụ lục về Dịch vụ Tài chính, Viễn thông và Nghề nghiệp
- Chương 9: Di chuyển Thể nhân
- Chương 10: Đầu tư
- Chương 11: Sở hữu trí tuệ
- Chương 12: Thương mại Điện tử
- Chương 13: Cạnh tranh
- Chương 14: Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Chương 15: Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật
- Chương 16: Mua sắm công
- Chương 17: Các điều khoản chung và Ngoại lệ
- Chương 18: Các điều khoản thể chế
- Chương 19: Giải quyết Tranh chấp
- Chương 20: Các điều khoản cuối cùng



Cần một sự chủ động lớn hơn nữa

Trước những cơ hội rất đáng kể từ các FTA, đối với các doanh nghiệp, giải pháp thường trực và cốt lõi luôn là: chủ động, và chủ động hơn nữa. Tất nhiên, sự hỗ trợ kịp thời và phù hợp từ phía Nhà nước và các tổ chức đại diện doanh nghiệp như VCCI và các hiệp hội là rất quan trọng với doanh nghiệp. Mặc dù vậy, việc tận dụng các lợi ích của các FTA trên thực tế một cách cụ thể, “tiền tươi thóc thật” phụ thuộc vào sự chủ động của từng doanh nghiệp cụ thể. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu thấu đáo nội dung Hiệp định, các thông tin về thị trường mục tiêu, tình hình cạnh tranh. Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, rồi bắt tay vào hành động. Và tất nhiên, bao trùm tất cả là sự chủ động khắc phục những điểm yếu của chính mình, để tăng cường năng lực cạnh tranh ở bất kỳ khía cạnh nào cần thiết và/hoặc có thể.

Với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, có một điều cần lưu ý là các cam kết trong FTAs của Việt Nam đều có lộ trình thực thi rõ ràng theo từng năm. Bởi vậy, thay vì chỉ tập trung vào ưu đãi thuế quan trong ngắn hạn, doanh nghiệp có thể xây dựng chiến lược phát triển trong dài hạn phù hợp với năng lực và định hướng kinh doanh của mình dựa trên các nội dung sẽ được thực thi với lộ trình rõ ràng mà Việt Nam đã cam kết.

Những cơ hội đã và sẽ trong tầm tay. CPTPP cứ nghĩ là câu chuyện ở xa lắm giờ cũng đã đi vào thực thi được một năm. EVFTA và RCEP đã ở ngay trước mắt. Các FTA khác đã và sắp hoàn tất lộ trình. Giờ là câu chuyện của chính doanh nghiệp Việt Nam chúng ta, để biến những cơ hội tiềm năng ấy thành lợi nhuận thực tế của chính mình.



THÔNG TIN VỀ CÁC FTA CỦA VIỆT NAM CUNG CẤP BỞI TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP - PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

- Website www.trungtamwto.vn/ (tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> Mục FTA (<http://www.trungtamwto.vn/fta>)
- Facebook: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI
- Đường dây tư vấn, Dịch vụ tư vấn theo vụ việc (Email: banthuky@trungtamwto.vn; Điện thoại: 024 3577 1458)



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn
Facebook.com/[trungtamwtovahoinhap](https://www.facebook.com/trungtamwtovahoinhap)